Tên sách : CÁC VĂN CỔ VỀ HÀ-THÀNH THẤT-THỦ VÀ  
HOÀNG-DIỆU  
Tác giả : VÔ-DANH  
Nhà xuất bản : SÔNG NHỊ  
Năm xuất bản : 1950  
------------------------  
Nguồn sách : tusachtiengviet.com  
Đánh máy : xuanhuy  
Kiểm tra chính tả : Thư Võ  
Biên tập ebook : Thư Võ  
Ngày hoàn thành : 18/11/2018

Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận  
« SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG  
Cảm ơn tác giả VÔ-DANH và nhà xuất bản SÔNG NHỊ  
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.

MỤC LỤC  
LỜI DẪN  
1. NỘI-DUNG  
2. SỬ-LƯỢC  
3. GIÁ-TRỊ NHỮNG BÀI VĂN  
4. KẾT LUẬN  
5. PHỤ BIÊN  
I. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA  
1. HÀ-NỘI MẤT NĂM 1873  
2. CỜ ĐEN PHẢN CÔNG  
3. HÒA-ƯỚC 1874  
4. HOÀNG-DIỆU RA TRẤN HÀ-NỘI  
5. HÀ-NỘI THẤT-THỦ NĂM 1882  
6. GIẢNG HÒA  
7. KHEN, CHÊ  
8. CẢNH CHẠY LOẠN  
9. MONG QUAN-QUÂN  
10. MONG QUÂN THANH  
11. CẢNH HÀ-NỘI BỊ CHIẾM  
12. NÓNG ĐỢI PHẢN CÔNG  
II. CHÍNH-KHÍ CA (Hà-thành thất-thủ chí công quá  
ca)  
DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN  
1. HOÀNG-DIỆU PHÒNG BỊ  
2. PHÁP TẤN-CÔNG HẠ THÀNH  
3. HOÀNG-DIỆU TỰ-ẢI  
4. PHÊ-BÌNH CHUNG  
Ê  
Ề  
Ố  
Ê  
Ă

5. CHÊ ĐỀ-ĐỐC LÊ-VĂN-TRINH  
6. CHÊ TUẦN-PHỦ HOÀNG-HỮU-XỨNG  
7. CHÊ ÁN-SÁT TÔN-THẤT-BÁ  
9. CHÊ BỐ-CHÁNH PHAN-VĂN-TUYỂN  
10. KẾT LUẬN  
III. ĐIẾU HOÀNG-DIỆU  
1. BÀI ĐẦU  
2. BÀI THỨ HAI  
3. BÀI THỨ BA  
4. VÕ-TRỌNG-BÌNH ĐIẾU  
5. SĨ-TỬ HÀ-THÀNH ĐIẾU  
6. NGÔ ĐẠI-NHÂN ĐIẾU  
7. TRẦN ĐÌNH-TÚC ĐIẾU  
8. HOÀNG HỮU-XỨNG ĐIẾU  
IV. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ ÁN  
1. TỔNG VỊNH  
2. HOÀNG-DIỆU  
3. QUAN TUẦN  
4. QUAN TUẦN  
5. QUAN BỐ  
6. QUAN BỐ  
7. QUAN ÁN  
8. QUAN ÁN  
9. QUAN ĐỀ  
PHỤ LỤC  
1. DI-BIỂU CỦA HOÀNG-DIỆU  
2. DỤ KỂ CÔNG TỘI  
Ố

3. TỐI-HẬU-THƯ  
4. TỜ TRÌNH CỦA H. RIVIÈRE VỀ VIỆC ĐÁNH HÀ-NỘI  
5. HOÀNG HỮU-XỨNG VÀ TÔN-THẤT-BÁ

Vô-danh  
CÁC VĂN CỔ VỀ  
HÀ-THÀNH THẤT-THỦ  
VÀ HOÀNG-DIỆU  
PHỤ-LỤC : Di-biểu, Dụ, Tối-hậu-thư và tờ-trình của tướng  
Pháp, Lời H. Rivière phê bình Hoàng-Diệu và Tôn-Thất-Bá  
DẪN và CHÚ-THÍCH Của  
HOÀNG XUÂN HÃN  
LOẠI VĂN CỔ  
SÔNG NHỊ  
HÀ-NỘI  
Nhà xuất-bản Sông-Nhị giữ bản-quyền 1950  
Nền bìa : là bia làng Lê Lợi, Nguyễn Trãi soạn năm 1433.

LOẠI VĂN CỔ  
Quốc-Văn của ta ngày xưa có phần thất-lạc, có phần  
còn lưu-truyền được đến nay. Phần còn lưu-truyền hay bị  
người sau làm sai-suyễn, tác-giả và gốc-tích có khi không  
tường, những chỗ khó hay nghi-ngờ lại không được giải-  
thích.  
Mục-đích tùng-san này là tìm cách bổ-cứu những khuyết  
điểm ấy.  
NHÀ XUẤT BẢN Sông Nhị

LỜI DẪN  
1. NỘI-DUNG  
Trong tập sách này, chúng tôi góp những bài văn kể  
chuyện hoặc vịnh thời-cuộc và nhân-vật ở Hà-nội trong hai  
vụ người Pháp đánh Hà-nội vào năm 1873 và 1882 :  
Bài đầu là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA, kể chuyện Hà-  
nội thất-thủ hai lần, và tình-cảnh nhân-dân ở Bắc sau cuộc  
thứ hai. Thể văn là song-thất lục-bát.  
Bài thứ hai là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CHÍ CÔNG QUÁ  
CA, kể chuyện thất-thủ năm 1882, để ca-ngợi tiết-tháo của  
quan tổng-đốc Hoàng-Diệu, và chế-diễu các quan khác.  
Thường gọi bài này là HÀ-THÀNH CHÍNH-KHÍ-CA, hay gọi  
tắt là CHÍNH-KHÍ-CA. Thể văn là lục-bát.  
Đoạn thứ ba là ĐIẾU HOÀNG-DIỆU, gồm ba bài tự-sự  
và khen quan tổng-đốc, làm bằng lối văn ca-khúc, bốn bài  
thơ chữ Hán và hai đôi đối-liễn của quan tuần-phủ Hà-nội  
Hoàng-Hữu-Xứng và của quan khâm sai tổng-đốc Hà-nội  
Trần-Đình-Túc.  
Chúng tôi có dịch các bài thơ và câu đối ấy. Đoạn thứ tư  
là HÀ-THÀNH THẤT-THỦ-ÁN gồm chín bài thơ thất-ngôn  
bát-cú, luận công tội của các quan tỉnh Hà-nội. Đề-mục  
cũng chúng tôi đặt.  
Cuối cùng sẽ phụ lục những bài dịch Hán-văn hay Pháp-  
văn có liên-can đến việc Hà-nội năm Nhâm ngọ. Những bài

này đều là những chứng trực-tiếp cho cuộc xử án các nhân-  
vật đương-thời. Giá-trị các tài-liệu ấy về lịch-sử rất quí.  
2. SỬ-LƯỢC  
Muốn hiểu rõ những chuyện kể trong các bài trên,  
chúng tôi nhắc qua đoạn lịch-sử này.  
Hòa-ước 1862 ép vua Tự-Đức nhường cho Pháp ba tỉnh  
miền đông Nam-kỳ mà Pháp đã chiếm năm 1861. Vua Tự-  
Đức muốn chuộc đất lại. Không những Pháp không thuận,  
mà còn chiếm thêm ba tỉnh miền tây Nam-kỳ, năm 1867.  
« Một bên thì nền cai-trị lập ra bởi đô đốc La Grandière  
để dự-bị mở-mang thuộc-địa một cách vô-giới-hạn. Một bên  
thì phái quan-phiệt mạnh-mẽ An-nam muốn đi ngược dòng  
lịch-sử. Thế nào cũng sẽ xẩy ra những sự xích-mích và  
xung-đột liền-liền ». Đó là lời của viên toàn-quyền Vial  
trong sách « Nos premières années au Tonkin » in năm  
1889.  
Cái cớ để xâm-chiếm Bắc-kỳ là vụ Jean Dupuis (Đồ-phổ-  
nghĩa) tự-tiện chở khí-giới cho Vân-nam trên sông Hồng-hà.  
Pháp thấy đó rất có lợi cho sự mình cạnh-tranh thị-trường  
Trung-hoa, đối với các cường-quốc Âu-Mỹ khác, cho nên  
triệt-để ủng-hộ Dupuis. Đô-đốc Dupré phái Francis Garnier  
(Ngạc-nhe An-nghiệp) đem quân ra Hà-nội. Vua Tự-Đức  
cũng sai Nguyễn-Tri-Phương từ vùng Sơn-tây về Hà-nội lo  
việc phòng-thủ. Garnier đem quân đóng ở Tràng-thi (phía  
nam phố Tràng-thi ngày nay), thị-uy và ép Tri-Phương. Tri-  
Phương không chịu điều-đình trực-tiếp, mà chỉ qua triều-

đình Huế. Thấy binh-lực ta kém, và nhờ các thám-tử, biết  
nhân-tâm trong xứ li-tán, Garnier định chiếm thành Hà-nội.  
Ngày 19 tháng 11 năm 1873 (mồng một tháng mười năm  
Quí-dậu), Garnier gửi tối-hậu-thư cho quan Khâm-sai, yêu-  
cầu : « Giải-giáp quân-lính giữ thành, và sức cho các quan  
tỉnh phải tuân lệnh của Garnier ». (theo Vial)  
Chiến-tranh bùng nổ lập-tức ở Hà-nội. Với non một trăm  
quân và hai chiến-thuyền yểm-hộ, Garnier hạ thành,  
Nguyễn-Tri-Phương thân-hành cùng con là phò-mã Nguyễn-  
Lâm mới tới thăm cha, chống giữ cửa Đông-nam.  
« Quân An-nam chống-cự. Tự trên thành ném gỗ, đá,  
hỏa-hổ xuống. Quan Khâm-sai điều-khiển rất cương-quyết ;  
nhưng bị mảnh trái phá bắn vào đùi. Quân thấy vậy liền  
tan. Ông lên ngựa toan chạy trốn. Nhưng có tên thông-ngôn  
tố-giác, nên bị bắt và bị giam cùng các quan lớn khác. Khi  
thấy không thoát khỏi, ông kêu than thảm-thiết, và không  
chịu để buộc thuốc, và cấm kẻ hầu không được đem đồ ăn  
tới ». (theo Gautier)  
Con ông là phò-mã Lâm bị tử-trận ; hai con Phan-  
Thanh-Giản là Phan-Tôn và Phan-Liêm cũng bị bắt.  
Sau đó, Sài-gòn phái Philastre (Hoắc-đạo-sinh) qua  
Huế, rồi cùng Nguyễn-Văn-Tường ra Hà-nội để điều-đình.  
Lúc tới nơi, ngày 3 tháng giêng năm 1874, thì Tri-Phương đã  
mất (mồng 1 tháng 11 năm Quí-sửu, tức là 20 tháng 12  
năm 1873), sau khi nhịn đói một tháng và Garnier đã bị  
quân Cờ-đen giết một ngày sau, trong khi chống với quân

Lưu-Vĩnh-Phúc, quân Hoàng-Kế-Viêm và Tôn-Thất-Thuyết  
đóng ở vùng Sơn-tây, Hưng-hóa.  
Sự thương-thuyết đem tới hòa-ước 1874, ký ở Sài-gòn,  
giao trả các tỉnh Bắc cho ta, và ép ta phải nhận sự chiếm  
tất cả Nam-kỳ, và nhường cho Pháp những khoảng đất dọc  
bờ sông Hà-nội, quyền thu thuế thương-chánh và quyền tự-  
do đi lại buôn-bán ở Bắc, và ở Trung.  
« Nếu thi-hành đúng hòa-ước 1874, thì Pháp có quyền  
chi-phối chính-sách ngoại-giao và nội-trị của An-nam. Nếu  
An-nam không theo, thì Pháp có thể chọn thì-giờ mà can-  
thiệp. Mà cớ thì chẳng thiếu gì ». (theo Vial)  
Vua Tự-Đức biết nguy-cơ đã đến, cần phải giao-thiệp với  
các nước ngoài. Cho nên, tuy rằng hợp-ước 1874 đã « công-  
nhận độc-lập cho nước An-nam, nhưng phải nhượng Nam-  
kỳ và cam-đoan y theo chính-sách ngoại-giao của Pháp »,  
nhưng vua Tự-Đức cứ phái các sứ-bộ sang Tàu (năm 1876,  
1880), sang Hương-cảng, và phái thanh-niên đi học trường  
Anh (1881).  
Thấy vậy, Pháp nhất-định can-thiệp. Từ Sài-gòn, thiếu-  
tá Henri Rivière được phái ra Bắc, đem nhiều quân ra đóng  
thêm ở Hải-phòng và Hà-nội (bấy giờ đồn Pháp ở vùng  
nhượng-địa Đồn-thủy, mà ta gọi là Trường-Tây), lấy cớ là vì  
quân tàu ngăn-cản sự thông-thương. Bên ta, thì Trần-Đình-  
Túc, tổng-đốc Hà-nội đã được về hưu. Một vị quan có tiếng  
rất cương-trực ra thay (1880). Ấy là Hoàng-Diệu.  
« Thấy quân Pháp tới nhiều, ông sai canh-phòng cẩn-  
mật, bắt những người ngoại-quốc muốn vào trong thành

phải xin phép trước, xây các công-tác phòng-thủ trong  
thành. Đối với những người ỷ thế Pháp, ông rất ghét ; có lúc  
ông bắt một tên thông-ngôn hỗn-xược và đánh cho một  
trận. Nhưng ông được lệnh đừng đụng-chạm đến người  
Pháp ». (theo Bouinais).  
« Ngày 25 tháng 4 năm 1882, là mồng 8 tháng 3 năm  
Nhâm-ngọ, sợ bị đánh úp, thiếu-tá Rivière định tấn-công  
thành ». (theo Vial)  
Sáng ngày ấy, thiếu-tá sai một tên thông-ngôn, tên là  
Phong, đưa tối-hậu-thư cho Hoàng-Diệu, yêu-cầu : « Phá  
các tạo-tác phòng-thủ trong thành, giải-giáp binh-lính, và  
đúng 8 giờ, thân-hành tới dinh Pháp ở Trường-tây. Quân  
Pháp sẽ vào thành, làm cho thành khỏi có thể làm hại. Xong  
sẽ giao trả thành cho quan An-nam, với nhà cửa, kho-  
tàng ». (xem tối-hậu-thư ở đoạn V)  
Hoàng-Diệu sai viên án-sát Tôn-Thất-Bá đi điều-đình.  
Không đợi trả lời, Rivière tấn-công lúc 8 giờ 15 phút. Lần  
này, quân Pháp đông hơn 450 người, và có một ít ngụy-  
binh. Lại có bốn tàu chiến yểm-hộ. Hoàng-Diệu chống-cự ở  
Cửa-bắc. Tôn-Thất-Bá chạy trốn vào làng Mọc (Nhân-mục),  
ở phía đông-nam Hà-nội.  
Một chốc sau, kho thuốc súng trong thành nổ. Pháp nói  
đại-bác mình bắn trúng. Ta nói Pháp thuê Việt-gian đốt.  
Quân ta nao-núng. Các viên bố-chính Phan-Văn-Tuyển, đề-  
đốc Lê-Văn-Trinh và các lĩnh-binh đều trụt thành chạy trốn.  
Viên tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng (xem phụ biên số 1) trốn  
trong Hành-cung và nhịn đói thành ốm. Một mình Hoàng-

Diệu vào hành-cung, lạy, khóc nói : « Sức của tôi đã hết ».  
Xong, ông tới cạnh Vũ-miếu, lấy khăn treo mình vào một  
cây ổi lớn mà chết. Người hầu chôn qua-loa. Sau, các thân-  
hào đưa táng ông sau nhà Học-đường, tức là Học-chính-  
đường ở nơi ga hàng-hóa, cạnh đường Sinh-từ và đường xe-  
lửa ngày nay. Vũ-miếu ở chỗ góc tây-nam đường Cột-cờ và  
đường đôi P. Pasquier mà chính-phủ ta năm 1945 đã đặt tên  
là đường Hoàng-Diệu.  
Về việc Rivière đánh Hà-nội và Hoàng-Diệu tự-tử, ta còn  
có một bài tường-thuật của tên Phong, thông-ngôn đi theo  
thiếu-tá đã kể lại (xem phụ biên số 2). Lời y kể như sau  
(theo Vial) :  
« Cuối cùng, ngày 25 tháng 4, quan Nguyên-soái định  
đánh lấy thành Hà-nội, để phá các tạo-tác nguy-hiểm cho  
quân ta (Pháp), mà quan tổng-đốc Hoàng-Diệu đã sai xây.  
« Rạng ngày ấy, quan Nguyên-soái sai tôi mang cho  
quan Tổng-đốc bức tối-hậu-thư, mà tôi đã dịch ra chữ nho  
ban tối. Tôi tới cửa thành lúc mới sáu giờ rưỡi. Cửa thành  
đóng chặt. Lính An-nam đứng chực trên thành. Chúng phất  
cờ. Chúng đông lắm.  
« Muốn đạt tối-hậu-thư cho quan Tổng-đốc, tôi tiến tới  
gần cửa thành, và nói với người lính canh rằng : « Thưa bác  
lính canh-cửa, sao hôm nay bác dậy mở cửa cho người qua  
lại chậm thế ? ». Tên lính canh trả lời, nói rằng trái lại, nó  
không ngủ ; vậy làm thế nào mà nó dậy trưa được ! Tôi bèn  
hỏi : « Việc gì làm bác không ngủ ? ». Nó do-dự, không trả  
lời. Tôi nói : « Này ! đây là một bức thư cấp-tốc mà quan

Nguyên-soái gửi cho quan Tổng-đốc. Tôi nhờ bác mang vào  
cho. Tôi đứng đây, đợi trả lời. Tôi mong rằng quan Tổng-đốc  
sẽ sai mở cửa cho tôi vào ».  
« Tên lính canh cầm thư vào thành. Lập-tức, tôi trở về  
khu nhượng-địa. (Sở-dĩ tên thông-ngôn bỏ về liền chứ  
không đợi trả lời như y đã nói, có lẽ là theo huấn-lệnh của  
Rivière. Y chỉ nói dối để cho tên lính gác tin và nhận thư).  
« Về đến nơi, tôi thấy quan Nguyên-soái còn đợi tôi.  
Ngài bảo tôi vào xa-lông ăn điểm-tâm. Ăn xong, tôi phải  
theo Ngài đi đánh thành. Quan tư Chanu là phó-soái, sắp-  
đặt cuộc tấn-công.  
« Tôi cùng đi với quan Nguyên-soái. Hộ-tùng có một  
còm-ba-nhi (tiểu-đoàn) lính đổ-bộ và có quan hai Fiashi.  
Dọc đường, quan Nguyên-soái rút đồng-hồ xem, rồi nói :  
« Đã đến giờ ấn định rồi. Đại-bác phải bắt đầu bắn lúc tám  
giờ mười lăm ».  
« Lập tức sau, tàu chiến La Fanfare (Kèn), La Massue  
(Dùi-cui), La Hache (Búa) bắn ầm ầm. Tàu La Surprise  
(Bất-ngờ) không tới kịp vì mắc cạn dọc đường Hải-phòng đi  
Hà-nội.  
« Mười giờ rưỡi, các tàu ngừng bắn. Quan Nguyên-soái  
ra lệnh xung-phong. Lúc vào thành, chúng tôi đi tới Hành-  
cung. Thấy quan Tuần-phủ ngồi ở đó. Ông là người coi riêng  
tỉnh Hà-nội. Ông hỏi chúng tôi có gặp quan Tổng-đốc  
Huỳnh-Diệu ở đâu không. Chúng tôi không biết.  
« Quan Tổng-đốc chống-cự trên Cửa-Bắc tới phút cuối-  
cùng. Đến bốn giờ chiều, có người tới nói với tôi rằng quan

Tổng-đốc đã tự thắt cổ ở cây ổi, gần miếu Công-thần (xem  
phụ biên số 3), và người hầu đã chôn ông rồi. Quan  
Nguyên-soái sai tôi tới xét thực-hư. Vì muốn thi-hành  
nhiệm-vụ mà quan Nguyên-soái đã giao cho, tôi ra lệnh cho  
người hầu kia bới đất một ít, để tôi nhận mặt quan Tổng-  
đốc. Thì thấy chung-quanh cổ ông còn vấn cái khăn nhiễu  
xanh mà ông đã dùng để tự-tử. Tôi trình với quan Nguyên-  
soái những điều đã thấy.  
« Vì chúng tôi phải bỏ thành, cho nên quan tư Rivière  
(tức là Nguyên-soái) sai tôi đi tìm quan Án là người có họ  
với vua, để báo tin rằng quan Nguyên-soái sẽ giao trả thành  
và đồ-đạc. Quan Án tới trình-diện để nhận thành. Lập-tức  
thành được trả cho quan Án ».  
Theo sử ta, thì cả tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng và án-sát  
Tôn-Thất-Bá thương-thuyết để nhận thành. Nhưng quân  
Pháp vẫn đóng tại Hành-cung. Tháng tư, vua Tự-Đức sai  
nguyên-tổng-đốc Trần-Đình-Túc ra Hà-nội điều-đình. Pháp  
ép phải nhận quyền bảo-hộ của Pháp, và quyền lập thương-  
chánh ở Bạch-hạc (Việt-trì). Tháng mười năm ấy, Trần Đình-  
Túc về Huế, để Nguyễn-Hữu-Độ lại làm tổng-đốc Hà-Ninh  
(Hà-nội Bắc-ninh).  
Vua Tự-Đức không bằng lòng, bèn sai sứ sang cầu-viện  
vua Thanh. Một mặt khác, vua sai Hoàng-Kế-Viêm tụ quân  
tại đồn Vàng ở Hưng-hóa để liên-lạc với quân Cờ-đen. Quân  
Thanh cũng lục-tục kéo sang địa-phận Bắc-kỳ. Trong lúc ấy,  
quân Pháp cứ tuần-tự thi-thành ý-định là chiếm các thành-  
phố lớn và những nơi quan-yếu về kinh-tế, như mỏ than  
Hòn-gay. Xung-quanh Hà-nội cũng có một vài nơi đánh

nhau. Nhưng ai ai cũng nóng lòng đợi tin tổng-phản-công  
của quân ta hợp với quân Thanh.  
3. GIÁ-TRỊ NHỮNG BÀI VĂN  
Trong tình-trạng ấy, bài Hà-thành thất-thủ ca được  
viết ra. Bài ấy viết từ tháng tư năm Nhâm-ngọ 1882, và sau  
thêm dần, đến tháng chín mới thôi (xem đoạn đầu và cuối  
bài). Tác-giả là ai ? nay ta không biết. Lời văn giản-dị, ý-tứ  
khá chất-phác, làm ta tưởng đến một nhà nho bình-dân nào  
đó, tiêu-biểu cho kẻ bình-dân đương-thời. Xét thấy trong  
bài có một ít tiếng đàng trong dùng (như : « ni, mi, mần  
răng » ở câu 79-80 ; « vô » ở vế 62, « nớ » ở vế 105), và  
những vần sai nhưng người đàng trong hay gieo vì giọng  
đọc riêng (như : « bắc » với « bắt » ở các vế 193-194,  
« vàng » với « đoàn » ở các vế 115-116, « then » và  
« Tường » ở các vế 40-41, « quang » và « vàn » ở các vế  
223-224), thì ta nghi rằng tác-giả có thể là người đàng  
trong ra ở Hà-nội. Nhưng đó cũng không lấy gì làm chắc.  
Bài « Hà-thành thất-thủ chí công quá ca » mà thường  
gọi là « Chính-khí-ca » có lẽ viết liền sau khi Hà-nội thất-  
thủ. Tác-giả có lẽ cũng cùng là tác-giả bài trên, và chắc là  
tác-giả những bài đường-luật ở đoạn IV. Cách dùng vần,  
như đã nói trên, ở đây càng rõ-rệt. Chữ « gian » với  
« thương » ở câu 108-109 là khó tránh đã đành ; còn như  
« đoàn » với « tàng » ở câu 70-71, nếu tác-giả là người  
đàng ngoài thì đã đổi « đoàn » ra « phường » cho khỏi lạc  
vận. Về bài này, có kẻ nói là của một nhà văn có tính

ngông, đời bấy-giờ tên là Ba Giai. Nhưng chẳng qua là vin  
vào mấy lời châm-biếm để phỏng-đoán mà thôi.  
Còn riêng về ba bài ca khúc điếu thì có lẽ là của người  
khác. Lời văn cầu-kỳ, dụng điển-cố hơn các bài trước nhiều.  
Xét về giá-trị văn, ta nhận thấy rằng hai bài ca có giá-trị  
văn tự-sự rõ-ràng, giản-dị mà không quê, không ép vần, ép  
chữ. Văn lại viết bởi người sống trực-tiếp những biến-cố kể  
trong đó, cho nên giọng văn thiết-thực, gợi được tình-cảm  
vui buồn, tức giận, mong-mỏi hay phàn-nàn. Ở nước ta,  
thường thiếu những loại văn này. Cho nên giá-trị hai bài ấy  
lại càng tăng.  
Những bài điếu thì thuộc loại văn tiêm-nhiễm nho-học  
nhiều. Mà lời cũng như ý, phần nhiều là sáo cả.  
Còn những bài án thì có giá trị của lối văn trào-phúng.  
Văn dễ-hiểu và ý ngộ-nghĩnh khi chế-diễu những viên quan  
hèn-nhát. Nhưng khi khen-ngợi Hoàng-Diệu thì giọng văn  
lại hồn-hậu và cảm-động.  
Dẫu bằng lối nào, các bài văn này đều là văn của kẻ  
đương-thời, viết ra dưới cảm-xúc trực-tiếp, theo sự nghe  
thấy hằng ngày. Ta chớ cho đó là những sử-liệu tuyệt-đối  
đúng. Nhưng nó có giá-trị, vì nó lưu lại dư-luận đương thời.  
Ta cũng đừng coi những lời phê-bình trong các bài văn là  
đúng hẳn, và cũng không nên quan-tâm đến những tiếng  
gay-gắt khi các tác-giả nói đến những người họ oán hay  
ghét. Đó là thường tình mà thôi.  
Chúng tôi đã dùng những bản của Trương-Vĩnh-Ký sao  
bằng quốc ngữ vào khoảng 1884, nghĩa là gần áp sau khi

xẩy ra việc đánh Hà-nội lần thứ hai. Nhưng kẻ đọc lại cho  
Trương-Vĩnh-Ký chép, đã tự chữa đi một vài câu mà họ sợ  
làm mất lòng người Pháp, cho nên nó khác hẳn những câu  
mà nay còn có người chép hay nhớ. Sau này chúng tôi gọi  
bản ấy là nguyên-bản. Về bài ca thứ nhì, thì tôi còn có ba  
bản nôm chép tay khác, nó bổ-khuyết cho bản của Trương-  
Vĩnh-Ký. Chúng tôi mong rằng nếu độc-giả nào còn có bản  
sao cũ khác, thì cho biết để cải-chính hay bổ-khuyết (xem  
phụ biên số 4).  
4. KẾT LUẬN  
Đọc xong mấy bài văn sau này, chúng ta thấy rõ những  
duyên-cớ làm nước ta đã bị mất.  
Những kẻ cầm quyền ở trên thì không biết lo xa, lúc lâm  
nguy mới tìm cách chữa, mà tìm-cách lại vụng-về. Những  
kẻ thừa-hành thì vô-tài, không biết tổ-chức cả đại-thể, mà  
chỉ lo giải-quyết những vấn-đề con-con, lúc lâm-sự thì  
hoàn-toàn ươn-hèn hay gian-trá. Trong cái xã-hội lấy kẻ sĩ  
cầm đầu, những kẻ ấy thật đã không có một tư-cách gì xử  
biến. Cũng may có một vài người, như Nguyễn-Tri-Phương  
và Hoàng-Diệu, còn cứu-vãn ít-nhiều danh-dự cho bọn sĩ-  
phu. Chẳng trách gì mà kẻ làm các bài này ca-tụng các vị  
ấy, mà thóa-mạ bọn kia.  
Nhưng xét đến dư-luận đương-thời, qua các bài ca số I,  
thì ta lại hiểu rõ rằng dân-gian cũng không có một mảy-  
may tinh-thần độc-lập, mà chỉ lấy sự khổ thân làm chính ;  
chỉ biết trông-cậy vào sức viện-trợ của ngoài, và hành-động  
của quan trên. Hễ trên đổ và ngoại-viện lui, thì cả cơ-đồ của

nước ta cũng đổ. Sống trong giai-đoạn lịch-sử ngày nay, ta  
đọc các bài văn này, không khỏi phải nghĩ-ngợi.  
5. PHỤ BIÊN  
(1) Các quan tỉnh Hà-nội bấy giờ có những vị sau :  
- Hoàng-Diệu, tự Quang-viễn, người xã Xuân-đài, huyện  
Diên-phước, tỉnh Quảng-nam. Đậu cử-nhân năm 1848 ở  
trường Thừa-thiên, và đậu phó-bảng khoa 1853. Nhà ông có  
sáu anh em ruột đều đậu-đạt.  
- Hoàng-Hữu-Xứng, tuần-phủ, người xã Bích-khê, huyện  
Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị. Đậu cử-nhân khoa 1852  
trường Thừa-thiên.  
- Phan-Văn-Tuyển, bố-chánh, người xã Chính-mông  
huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa. Đậu cử-nhân năm  
1848 tại trường Thừa-thiên. Vì việc ông đào-ngũ ở Hà-nội,  
nên ông phải bị cách chức về làm dân.  
- Tôn-Thất-Bá, án-sát.  
- Lê-Văn-Trinh, đề-đốc ; Lê-Trực, lãnh-binh ; Hồ-Văn-  
Phong và Nguyễn-Đình-Đường, phó lãnh-binh.  
(2) Một viên vũ-quan Việt-Nam đã từng mục kích việc  
Hà-nội thất-thủ năm 1882 có kể lại chuyện ấy. Ấy là ông  
Nguyễn-Đình-Trọng, thường gọi là cụ Cử Tốn (cử-nhân võ).  
Ông đã từng làm suất-đội hộ vệ quan tổng-đốc Hoàng-Diệu.  
Ông mới mất năm 1947 ; thọ gần một trăm tuổi. Ông  
Nguyễn-Tường-Phượng đã viết lại chuyện ấy trong báo Tri-  
Tân số 183. Sau đây là lời ông Tường-Phượng thuật lại :

« Trước đó một tháng, quan tổng-đốc Hà-ninh Hoàng-  
Diệu thám biết sự dòm-dỏ xứ Bắc-kỳ của quân Pháp, đã bắt  
đắp thành đất chắn ngang từ cửa Đông sang cửa Tây. Các  
cửa thành đều lấp hết, sự đi lại phải dùng thang (?).  
« Ngày mồng tám tháng ba năm Nhâm-ngọ, vào khoảng  
giờ Thìn, một người thông-ngôn Nam-kỳ, tên là Phong (tức  
là đốc-phủ Phong) mang chiến thư vào thành. Án-sát Tôn-  
Thất-Bá xin với quan Tổng-đốc ra thương lượng với ông năm  
(?) Henri Rivière về đình-chiến.  
« Quan Tổng đốc sai giòng dây cho Tôn-Thất-Bá xuống  
góc thành cửa Bắc (phía bóp hàng Đậu). Nhưng sự thật thì  
Tôn-Thất-Bá lập-tâm trốn ra nằm ở đền Ngọc-sơn (?) ; khi  
thành đã vỡ thì theo binh Pháp mà nhận lấy thành.  
« Cách độ một giờ sau, quân Pháp bắt đầu bắn vào góc  
thành cửa Bắc, chết một viên quản đội Hùng-nhuệ. Bố-  
chánh Tuyển bỏ chạy. Quân Pháp bắc thang vào. Tuyển  
chạy thẳng vào kho. Kho bốc hỏa. (Chỗ này cụ cử Tốn lại  
nói thêm rằng Hoàng-Diệu đã dấu thuốc súng ở kho Hậu-lâu  
; chỗ kho lửa bốc cháy là do mấy tên nội phản đốt hỏa-hổ  
làm hiệu cho quân Pháp, và để làm loạn lòng quân ta. Sự  
thật thì kho thuốc súng vẫn còn nguyên). Rồi súng bắn xối  
vào chỗ quan Tổng-đốc đóng ở cửa Chính-bắc.  
« Đề-đốc Lê-Trinh giữ cửa Đông bỏ chạy. Chỉ còn phó-  
lĩnh-binh là Hồ-Văn-Phong đứng kèm với quan Tổng-đốc. Ở  
cửa Tây, thì lãnh binh Lê-Trực thấy núng cũng tháo lui. Ở  
cửa Nam thì thủy-sư lĩnh-binh Nguyễn-Đình-Khang (Đường  
?) cố-thủ.

« Pháp quân bắn vào cửa Bắc dữ quá. Quan thượng  
(Hoàng-Diệu) mới lên voi chạy vào Hoàng-cung. Vào sân  
rồng, lạy năm lạy ; vừa lạy vừa khóc rồi quay ra. Lúc ấy,  
quan Tổng-đốc chít khăn xanh, mặc áo the thâm, thắt lưng  
nhiễu điều, tay cầm kiếm. Ngài đến cửa Võ-miếu. Xuống  
voi, đi vào, có mười võ cử sung suất-đội đi theo.  
« Đến đấy, ngày đuổi cả ra, và bảo rằng : « Ai muốn về  
Huế thì về ; còn ai muốn đánh thì theo lên quân-thứ Sơn-  
tây ». Nói xong ngài vào Võ-miếu, đóng sập cửa lại, cởi  
khăn chít, buộc lên cây táo mà tự-vẫn.  
« Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan  
Tổng-đốc tuẫn tiết, rất lấy làm thương-xót. Ông thượng  
Kim, một thân hào, cùng dân hàng bang, góp tiền mua áo  
quan đem chôn ở gần miếu Trung-liệt, cạnh mộ quan khâm-  
sai Nguyễn-Tri-Phương (?). rồi sau lại di ra dinh quan Đốc-  
học (gần phố Sinh-từ).  
« Quan tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng ra hàng, được ở lại.  
Còn đề-đốc, chánh, phó-lĩnh-binh đều trèo thành trốn lên  
phủ Hoài.  
« Cách ba ngày sau, triều-đình sai hai quan Khâm-sai,  
là Nguyễn-Trọng-Hiệp và Trần-Đình-Túc ra nghị hòa. Lại có  
chỉ đòi các quan Hà-nội như bố-chánh Tuyển, án-sát Bá, đề-  
đốc Trinh, chánh-lãnh-binh Trực, phó-lãnh-binh Phong và  
tác-vị lĩnh binh Nguyễn-Long, phải già-tỏa (gông xiềng) lai  
kinh. Nhưng sự thật thì mỗi ông này, mỗi người có một cái  
xiềng bỏ trong tráp, mà vẫn đi chơi ngoài phố. Về sau, cả  
bọn đều được miễn-nghị ».

Tuy chuyện thuật lại trên có điều chắc sai, nhưng nó  
cũng xác-nhận phần lớn lời thông-ngôn Phong đã kể. Trong  
đoạn V, tôi sẽ có những bài tường-thuật của các người  
đương sự.  
(3) Chắc là Võ-miếu. Trong bản-đồ cũ Hà-nội, không  
thấy có đề tên miếu Công-thần. Vả trong các sách, thường  
nói Võ-miếu ở góc tây-bắc thành. Nhưng sự thật thì ở phần  
tây-nam  
(4) Về thân-sử ông Hoàng-Diệu, thì có bài của ông  
Khuê-trai đăng trong báo Tri-Tân số 182, khá tường-tận.  
Ông lại cho biết có nhiều bài văn nôm về Hoàng-Diệu, như  
Chính-Khí-ca, Bắc-tỉnh-ca nữa. Còn bài biểu bằng chữ nho  
mà người ta thường truyền tụng và cho là Hoàng-Diệu làm  
để gửi về triều trước lúc mất, thì sợ không được chắc thật  
(xem phần V).  
Về các văn, thì báo Thông-Tin số 2 năm 1945 có đăng  
bài Chính-Khí-ca, báo Tri-Tân từ số 182 đến 190 có đăng  
bài hát III (3) và thơ IV (4), bài Chính-Khí-ca và một ít câu  
đối.

I. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ CA  
1. Tiết mạnh-hạ, hiên Nam ngồi mát,   
1  
Chuyện Thăng-long điên-mạt kể ra.   
2  
Bao nhiêu nông-nỗi tỉnh Hà.  
Hai lần phân-nhiễu những là làm sao ?   
3  
1. HÀ-NỘI MẤT NĂM 1873  
5. Năm Quí-dậu, tàu vào vừa tới,   
4  
Người Bắc-kì rằng mới biết Tây ;  
Rủ nhau xem-sóc thâu ngày.  
Đem quân về đóng ở rày Trường-thi.   
5  
Tờ niêm-yết Ngạc-nhe An-nghiệp :   
6  
10. « Đường giao-thông tiến-tiếp lại qua.  
« Xa nghe đồn tỉnh Bắc-hà,  
« Giặc Tàu quấy rối vậy mà đến đây ».  
Các quan tỉnh nghi-nghi hoặc-hoặc,  
Những bàn riêng rằng : « Giặc bên chân ! »  
15. Tháng mười, mồng một, giờ Dần,   
7  
Ầm-ầm hạ tỉnh, là lần ngày xưa.  
Khi ấy có Khâm-thừa quan Nguyễn,   
8  
Cha con đều ngộ biến thất cơ.  
Phò Lâm mắc nạn bây giờ,   
9  
20. Cha già tuyệt thực còn chờ quyên sinh.  
2. CỜ ĐEN PHẢN CÔNG  
Các quan sau quyết-tình lên thứ,   
10

Ông tham Tôn tức-sự khởi-hành.   
11  
Đem quân về đóng Diễn, Canh,   
12  
Nhơn-nhơn thu-phục tỉnh-thành về ta.   
13  
25. Chốn Thăng-long thật là thượng-đẳng,  
Xui tướng Tây quyết thẳng tiến-truy.  
Thất-cơ phải chú Hắc-kì,  
Ngoài ô, một trận, Ngạc-nhe qua đời.  
Khách các hiệu rụng-rời nhao-nhác,  
30. Giọn vần tay đồ-đạc xuống Tàu.  
Giữa dòng chiếc trước, chiếc sau,  
Ra ngoài Ninh-hải để hầu về Nam.   
14  
Quan thừa-thắng, diện-bàn tướng-sĩ,  
Bất-thình-lình có chỉ Kinh ra.  
35. Chuộc thành mà lại giảng-hòa,  
Định, An-Ninh-hải, tới Hà-nội đây.   
15  
Quan Hoàng Thống nghe rày bứt-rứt,   
16  
Lưu Hắc kì kéo phứt lên Ngâu.   
17  
Phá ngang việc ấy bởi đâu ?  
40. Nhà công xế bóng, cửa chầu long then.   
18  
3. HÒA-ƯỚC 1874  
Sai quan Nguyễn-Văn-Tường chánh-sứ,  
Hoắc-đạo-sinh, thử thứ là đây.   
19  
Quan Nam với lại quan Tây,  
Sửa-sang khi ấy, dân rày được yên.  
45. Việc thanh-khoản, chỉ truyền về bộ,   
20  
Quan Nguyễn-Tường thăng Hộ thượng-thư.  
Qua năm Giáp-tuất tháng tư,   
21

Thấy quan Nguyễn-Chánh phụng từ Kinh ra.  
Điều niêm-yết mới hòa-ước đó,  
50. Gẫm kĩ xem có khó nghe thay !  
Non sông cao rộng thế này,  
Nào người trí-dũng, nào tay anh hùng ?  
Quan Tăng-Doãn rằng : « Vâng Thánh chỉ,   
22  
Tỉnh Hải-dương lĩnh ý phải ra ».  
55. Quan tư với lại quan ba,  
Tìm nơi Hà-nội, lập tòa Tràng-tây.   
23  
Thấy phố-xá người đầy, đất hẹp,  
Nhà thứ-dân rộn-rịp chỉn khôn.   
24  
Thênh-thênh sẵn chốn Thủy đồn,  
60. Làm tòa ở cạnh ô-môn Trường tiền.  
Khai thương-chánh, thu-biên thuế thủy,  
Cùng quan ta quản-lý thâu chung.  
Rồi sau mới lập ngoài sông,  
Nhà cao ngất-ngưỡng bên sông Nhị-hà.  
65. Quan thượng tỉnh tên là Đình-Túc,   
25  
Nghĩ tuổi già, nhẫn-nhục là xong.  
Oán kia xếp để bên lòng,  
Nói cười leo-lẻo như giòng nước xuôi.  
Ngoài thất-thập, sớ người tri-chức,   
26  
70. Quan-quân đều thổn-thức tiễn-đưa.  
Về nhà được mấy nắng mưa,  
Câu thơ xuân-nhật, cuộc cờ hạ-thiên.  
4. HOÀNG-DIỆU RA TRẤN HÀ-NỘI  
Đất Hà-nội là miền xung-yếu,

Lại sai ông Hoàng-Diệu ra thay.  
75. Vốn người tính nóng, lòng ngay,  
Dũng-cương, chẳng biết đãi Tây như Trần,   
27  
Việc tỉnh-vụ đang phần gióng-giả,  
Đánh thông-ngôn làm hả nộ-uy :  
« Mi là người ở nước ni,  
80. « Mần răng không giữ lễ-nghi ngôn-từ ? »   
28  
Nỗi nhà nước rối như mắc cưởi,  
Chừng gió Tây tầm-gửi lấn ngành.   
29  
Lẽ đâu biết cũng làm thinh,  
Dốc lòng ái-quốc, nặng tình sự-quân.  
85. Từ Canh-thìn bước lần năm ngoái,   
30  
Sớ xây thành bên trại Võ-sinh.   
31  
Tập rèn lính-tráng cho tinh.  
Phòng khi sự bất-thình-lình làm sao.  
Các cửa thành truyền giao cấm-cách,  
90. Giữ người Tây, với Khách vào ra :  
« Khi nào có việc nước nhà,  
« Đem đơn bẩm trước, bay hòa cho vô ».  
5. HÀ-NỘI THẤT-THỦ NĂM 1882  
Lang-sa thấy cơ-đồ biết ý,  
Tới năm nay thịnh-khỉ kéo ra.  
95. Giờ Thìn mồng tám tháng ba,   
32  
Hạ thành này nữa ấy là thứ hai.  
Quan Hoàng-Diệu quyết tài nhất chiến,   
33  
Lĩnh-binh Đường xử biến hỏa-công.  
Đương cơn súng bắn đùng-đùng,

100. Lĩnh-binh, quan Bố thế cùng, trút ra.  
Quan Đốc-bộ đứng xa ngó thấy,   
34  
Nghĩ tức mình, vào lạy Hoàng-cung.  
Sau ra đến miếu Võ-công,   
35  
Buộc khăn tự tử, vào vòng quyên-sinh.  
105. Quan Tuần-phủ thất-tình khi nớ,   
36  
Đau lăng-nhăng ba bữa lại lành.  
Văn võ đều tếch ra thành,  
Lên Đoài, sang Bắc, tan-tành chạy tan.   
37  
Kể ngoài thành những quan nhỏ-nhỏ,  
110. Tri-phủ Hoài, huyện Thọ là ai ?  
Thọ-xương tếch những khi mai,  
Đến trưa ấy, chú phủ Hoài cũng bon.  
Quan đi cả, mà còn thành-lũy,  
Chạnh lòng người ngẫm-nghĩ mà thương !  
115. Kính-thiên ngai ngự thếp vàng,   
38  
Tây ngồi đánh chén với đoàn thanh-lâu.  
Các chùa miếu đâu đâu đấy tá,  
Can gì Tây, cũng phá tan-tành ?  
120. Chủ kho Tượng cũng chẳng linh,  
Để Tây đem đốt, ra tình trêu ngươi.  
Kể chi hắn hại người đến thế,  
Hạ thành rồi chẳng để cho xây.  
Có người rằng : « Lũ Tây này,  
Khác Tây Quí-dậu, mà rày lăng-nhăng ».   
39  
6. GIẢNG HÒA  
125. Dân xiêu-lạc, hỏi xăng (săn) hỏi đón :

« Về đánh Tây có bọn nào không ? »  
Đồn : quan tiết-chế Hoàng-công,   
40  
Hắc-kì hợp với Sơn Hùng cũng đông.   
41  
Đang sắm-sửa hỏa-công, khí-giới,  
130. Tế cờ rồi ngài mới cất quân.  
Người ta tấp-tểnh nghe dần,  
Bữa mai, bữa mốt, đại-thần về đây.  
Đỏ như mắt cá chày mong-mỏi,  
Tính ngón tay đã ngoại tháng ba.  
135. Bỗng đâu có sứ Kinh ra,  
Tĩnh-biên Đình-Túc giảng-hòa với Tây.   
42  
Được hai bữa, kéo ngay vào tỉnh,  
Thấy kho-tàng, dinh-sảnh sạch không.  
Bàn nhau sớ tấu Cửu-trùng,  
140. Thấy sao nói vậy đủ trong tình-hình.  
7. KHEN, CHÊ  
Kìa như kẻ học-sinh cửa Thánh,  
Hễ làm trai phải gánh cương-thường.  
Ngán cho Đốc-bộ họ Hoàng,  
Đan-tâm có một, cương-trường không hai.   
43  
145. Cũng có kẻ van hoài xuất-thú,   
44  
Lại có người mặt ủ hờn cơm.  
Nhờ ai cũng dựa tiếng thơm,  
Tiếc gì xuân nữa, mà sờm-sỡ ai.   
45  
Được mấy kẻ anh-tài phải đạo,  
150. Đều ăn cơm mặc áo trên đời.  
Đến khi có việc tày trời,

Trơ-trơ chỉ thấy một người tận-trung.  
8. CẢNH CHẠY LOẠN  
Trong thế-cuộc nào mong như thế,  
Nỗi phố-phường mới kể mà nghe.  
155. Bằng nay xuân đã sang hè,  
Thân này đóng cửa mà nghe sự đời.  
Tỉnh Hà-nội, những người phố-xá,  
Chạy loạn Tây vất-vả cũng thương.  
Xách già, ôm trẻ vội-vàng,  
160. Về quê ăn tuyệt tư-lương sạch rồi.  
Ở cũng cực, ra thời cũng cực,  
Tưởng bán-buôn mà bức mọi bề.  
Bằng ai có chợ, có quê,  
Tiện phường thương-mại, tiện nghề điền-viên.  
165. Cũng có kẻ quen miền phố-xá,  
Thói quê mùa, bỡ-ngỡ xưa nay.  
Ra hài, vào hán thế này,  
Bây giờ lại phải dãi-dày tuyết-sương.  
9. MONG QUAN-QUÂN  
Xưa chạy loạn, nay đương chạy loạn,  
170. Khúc ngày xưa khác đoạn ngày nay.  
Có quan đi giữ dẹp Tây,  
Nay quan chẳng thấy, loạn này bao yên ?  
Rạng nghe đóng trên miền Dày, Kẻ,   
46  
Mai lại nghe ở Vẽ, ở Vòng.  
175. Lại nghe mới bước đến Phùng,

Lại nghe Ngài đóng ở vùng Thanh-oai.   
47  
Nghe đồn tiếng rằng Ngài phủ Lý,  
Huyện Nam xang quân thủy đóng thuyền.   
48  
Đồn rằng Ngài ở Tam-tuyên,   
49  
180. Hắc-kì vừa tới, Thanh-biền vừa qua.   
50  
Thôi thôi hẳn Ngài đà đãi-chí,   
51  
Hễ mà nghe Thánh-chỉ mần răng ?  
Cho nên việc phải dùng-dằng,  
Hết ngồi mà sợ, hết nằm mà lo.  
185. Quan ta chứa (trữ) các kho tiền thóc.  
Mong làm hòa, dở khóc, dở van.  
Sớ ra giục-giã các quan,  
Tây thì khảng-khái, biết bàn làm sao ?  
Tòa thất-thủ, xiềng trao già-tỏa,   
52  
190. Phải lai-kinh, tra đã không tha.  
Lanh-quanh ta lại với ta,  
Kính-thiên Tây ở, thế mà điềm nhiên !  
10. MONG QUÂN THANH  
Đồn Tàu Khách sang miền tây-bắc,  
Làm rọ nhiều, hẳn bắt đoàn Tây.   
53  
195. Mấy mươi dinh kéo đến đây,  
Những là mong-mỏi, mà rày thấy đâu.  
Hay các chú phá tàu Đông-hải,   
54  
Còn quay về đóng lại mới sang ?  
Mau mau cứu lấy Đại-nam,  
200. Gạo đong hầu hết, củ lang không nhiều !  
Lúa ngô, gạo nếp đều vét sạch,

Vận Bắc-kỳ có bách hay không ?  
Sự hòa còn nói viển-vông,  
Một nhà ba chủ, biết trông chủ nào ?  
11. CẢNH HÀ-NỘI BỊ CHIẾM  
205. Chuyện lúng-túng làm sao thế ấy ?  
Mãi thế này những thấy bét-be.  
Nực cười kể chuyện kè-nhè,  
Người cùng, tìm chốn chở-che qua ngày.  
Đàn-bà phải lấy Tây cũng bức,  
210. Dẫu rậm râu, mạnh sức cũng liều.  
Người Nam, lớn bé bao nhiêu,  
Ở hầu, làm bếp, cũng đều làm ăn.  
Cô thống-sát, thông năm vô số,   
55  
Vợ quan Tây, bà cố chan-chan.   
56  
215. Võng đào, giày thắm nghênh-ngang,  
Mới hôm nọ, đã bà quan tềnh-tàng.  
Phường nhà bếp nghênh ngang đi phố,  
Áo quần Tây, tảng-lố thông-ngôn.  
Nay tàu lên Hạc lập đồn,   
57  
220. Làm thêm thương-chánh, bán buôn cho nhiều.  
12. NÓNG ĐỢI PHẢN CÔNG  
Rày nghe tiếng Thiên-triều đến Quán,   
58  
Do Vân-nam mấy vạn kéo sang.  
Bắc-ninh với lại Tuyên quang,  
Quảng-yên, Thái-lạng, vô-vàn Thanh-quân.   
59  
225. Xin cứu lấy nước Nam, đành báo,

Có từ tư thu gạo cho nhiều,  
Sức dân : « Định giá bao nhiêu,  
Thuận mua, vừa bán, Thiên-triều trả cho ».  
Sơn, Hưng phải làm kho chứa sẵn,   
60  
230. Lưỡng-biên-giang cứ thẳng kéo về.  
Tỉnh-thành cho chí chợ quê,  
Chỉ lo chết đói mà mê-mẩn người.  
Còn dũng-tráng trêu ngươi bặng-nhặng,  
Người làm công thằng-thẳng lưng xơi.  
235. Nghĩ buồn Nam-Việt sự đời.  
Những ăn hà-tiện, của thời cho ai !  
Nay Tây cậy có tài thiện thủy,   
61  
Đường sơn-lâm, hẳn bí kế thôi.  
Tàu bè ngược-ngược xuôi-xuôi,  
240. Lên Sơn-hưng, đoạn, lại hồi Trường-tây.  
Chú Khách cậy quân nầy thiện bộ,   
62  
Dòng Nhị-hà hẳn đố giám qua.  
Đi đâu quanh-quẩn thế mà ?  
Hết Lâm, Đoan lại Bảo-hà, sông Ngâu,   
63  
245. Hai bên cứ giữ nhau thế mãi,  
Hay sợ hơi, có phải hay không ?  
Bên e trái-phá thần-công,  
Bên e cờ úp, thủng trồng đâm ngay.   
64  
Sao mà giữ mãi thế này ?   
65  
250. Tây thì Hà-nội, Ngô rày Sơn, Hưng.  
Tính thấm-thoát qua chừng tháng chín,  
Quít đỏ trôn ; còn nhẫn bao-lâu ?   
66  
Sao cờ mọc đã ngang đầu,   
67

Hồng-mao với khách quan Tàu đi đâu ?  
255. Thử nhất-quyết đánh nhau một trận,  
Hãy định làm cho tận-tình dân.  
Đã hầu ngũ liệt, tam phân,   
68  
Tam-cương còn thiếu chữ quân làm đầu.  
Lại một hẹn rằng sau tháng chín,  
260. Quan Tàu về, chẳng nhịn nữa đâu.  
Chuyện như khất nợ với nhau,  
Mấy mươi tháng nữa, mới hầu cho yên ?

II. CHÍNH-KHÍ CA (Hà-thành thất-thủ chí  
công quá ca)  
DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN  
Về bài Chính-Khí ca nay còn nhiều chép. Tôi đã xét bản  
quốc-ngữ chép vào khoảng năm 1883, nhưng thiếu mất từ  
vế 109, và một bản bằng chữ nôm chép cũ, và đủ. Bản đầu  
sẽ gọi tắt bằng bản A. Bản sau, sẽ gọi tắt là bản B. Ngoài  
ra, còn một bản nôm mà ông Nguyễn-Văn-Oánh đã phiên-  
âm mà tôi chỉ có bản quốc-ngữ ; nhưng nó có thêm dấu  
chữa lại nhiều. Bản thứ ba này gần như bản B ; nhưng từ vế  
thứ 127 thì khác nhiều, và kém bản B bốn vế. Tôi sẽ gọi nó  
là bản C. Ở thư-viện Bác-cổ có hai bản sao, mà ông Hoàng-  
Thúc-Trâm và ông Nguyễn-Văn-Tố đã phiên-âm. Bản đầu  
không có đoạn cuối từ vế 127. Trái lại, bản thứ hai có đến  
193 vế. Tôi sẽ gọi bản ấy là bản D và E. Trong các báo chí,  
từ khi nước ta được độc-lập, đã có báo đăng bài Chính-Khí  
ca, phần nhiều là theo người đọc thuộc lòng, như báo  
Thông-Tin số hai vào dịp ngày giỗ Hoàng-Diệu, năm 1945.  
Xét các bản ấy, thì những bản B, C, D, E phần lớn ở một  
gốc mà ra, và gốc ấy khác bản A.  
Bản E chắc là do một kẻ nào đã tự thêm 53 vế vào bài  
cũ. Đoạn này văn kém-cỏi, ý rỗng-suông. Chỉ toàn những  
câu văn than-vãn sáo. Sau đây chép lại mấy câu ở đầu và  
cuối của đoạn này. Xem qua thì sẽ thấy là giả :  
Ngán thay cho cái phong-trần,  
Tiếc thay cho kẻ trung-thần lắm thay !

Vì ai nên nỗi nước này,  
Để người danh-tiết biết ngày nào quên…  
Nỗi niềm trông thấy mà đau,  
Nỗi lòng ai dãi cho ai (nhau) hỡi lòng ?  
Anh-hùng mới biết anh-hùng.  
Bản A có tính-cách sao lại xưa hơn cả. Còn những bản  
kia chắc đã bị sửa chữa. Một chứng là chỉ bản A giữ đúng tự  
của Hoàng-Diệu.  
Chỉ tiếc rằng bản A nay thiếu từ vế 109, nhưng ở đầu có  
chú rằng bài ấy có 138 vế. Như vậy thì ít hơn bản B hai vế,  
mà lại nhiều hơn bản C hai vế. Có thể người trước đã đếm  
thiếu câu chăng ?  
Trên đây chúng tôi lấy bản A làm gốc cho đoạn đầu từ  
vế đầu đến vế 108. Trong khoảng ấy, có một vài chữ mà  
chắc A lầm, thì tôi lại lấy ở B. những chữ ấy in ngả, và sau  
đây có chú-thích nguyên-thoại của A.  
Từ vế 109 đến cuối, tôi lại lấy bản B làm gốc, và chữa  
những chỗ không thông bằng thoại của bản C, D hay E.  
Trong khoảng ấy, chữ nào lấy ở các bản ấy thì sẽ in ngả.  
Tôi sẽ chú-thích những dị-điểm trong các bản như sau,  
nhưng tôi cũng chỉ để ý đến những thoại khác nhau nhưng  
đều có nghĩa.  
1. HOÀNG-DIỆU PHÒNG BỊ  
1. Một vừng chính-khí lưu hình,   
69  
Khoảng trong trời đất ; nhật, tinh, sơn, hà.   
70  
Hạo-nhiên ở tại người ta,

Tấc vuông son sắt, hiện ra khi cùng.   
71  
5. Hơn thua trong vận truân phong,   
72  
Nghìn thu để tiếng anh-hùng sử xanh.   
73  
Có quan tổng-đốc Hà-Ninh,   
74  
Hiệu là Quang-viễn, trung trinh ai bằng.   
75  
Lâm nguy, lý hiểm đã từng,   
76  
10. Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm.   
77  
Thôn Hồ, dạ vốn nhăm-nhăm,   
78  
Ngoài tuy giao-tiếp, trong căm những là.   
79  
Vừa năm Nhâm-ngọ tháng ba,   
80  
Sáng mai mồng tám, bước qua giờ Thìn.   
81  
15. Biết cơ trước đã giữ-gìn,   
82  
Hơn trăm vũ-sĩ, vài nghìn tinh-binh.   
83  
Tiên nghiêm lên đóng trên thành,   
84  
Thệ sư, rót chén rượu quỳnh đầy vơi.   
85  
Văn-quan, vũ-tướng nghe lời,   
86  
20. Hầm-hầm xin quyết một bài tận-trung.   
87  
2. PHÁP TẤN-CÔNG HẠ THÀNH  
Ra oai xuống lệnh vừa xong,  
Bỗng nghe ngoài đã đùng đùng pháo ran.   
88  
Tiêm cừu, nổi giận xung quan,   
89  
Quyết rằng chẳng để chi đoàn chó dê.   
90  
25. Lửa phun, súng phát bốn bề,  
Khiến loài Bạch-quỷ hồn lìa phách xiêu.   
91  
Bắn ra, nghe chết cũng nhiều,  
Phố phường trông thấy tiếng reo ầm ầm.

Quan-quân đắc-chí, bình-tâm,  
30. Cửa-đông, Cửa-bắc vẫn cầm vững binh.   
92  
Chém cha cái lũ hôi-tanh !   
93  
Phen này quét sạch-sành-sanh mới là.  
Nào ngờ thất-ý tại ta,   
94  
Vẫn rằng thắng trạng, hóa mà thua cơ.   
95  
35. Nội-công phải những bao giờ,   
96  
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngả theo.   
97  
Quan-quân sợ chết thảy đều,   
98  
Thành-tây, Bạch-quỉ đánh liều trèo lên.  
Nào ai cơm áo dốc đền ?   
99  
40. Nào ai cầm vững cho bền ba quân ?   
100  
Nào ai còn chí kinh-luân ?   
101  
Nào ai nghĩ đến thánh-quân trên đầu ?   
102  
3. HOÀNG-DIỆU TỰ-ẢI  
Một cơn gió thảm, mưa sầu,  
Nấu-nung gan sắt, dải-dầu lòng son.  
45. Chữ trung còn chút con con,  
Quyết đem gửi cái tàn-hồn gốc cây.  
Trời cao, biển rộng, đất dày,  
Núi Nùng, sông Nhị, chốn này làm ghi.   
103  
Thương thay, gặp buổi truân-nguy ;   
104  
50. Lòng riêng ai chẳng thương-vì người trung.   
105  
Rủ nhau tiền góp của chung,  
Đem người lên táng ở trong Học-đường.   
106  
Đau-đớn nhẻ ! Ngẩn-ngơ dường !   
107

Tả-tơi thành-quách, tồi-tàn cỏ-hoa.  
4. PHÊ-BÌNH CHUNG  
55. Kể từ năm Dậu bao xa,   
108  
Đến nay tính đốt, phỏng đà mười niên.   
109  
Long-thành thất-thủ hai phen,   
110  
Kho-tàng hết sạch, binh-quyền rời tan.   
111  
Đổi thay trải mấy ông quan,  
60. Quyên-sinh tựu nghĩa, có gan mấy người ?   
112  
Trước quan Võ-hiển Khâm-sai,   
113  
Sau quan Tổng-đốc, một vài mà thôi.  
Ngoài ra, võ-giáp, văn-khôi,   
114  
Quan, bào, trâm, hốt, nhác coi ngỡ là…   
115  
65. Khi bình làm hại dân ta,   
116  
Túi tham mở rộng, chẳng tha miếng gì.   
117  
Đến khi hoạn-nạn gian-nguy,   
118  
Mắt trông ngơ-ngáo, chân đi gập-gềnh !   
119  
5. CHÊ ĐỀ-ĐỐC LÊ-VĂN-TRINH  
Võ như đề-đốc Lê-Trinh,  
70. Cùng là chánh, phó lãnh-binh một đoàn.  
Đang khi giao-chiến ngang-tàng,  
Thấy quân hầu đổ vội-vàng chạy ngay.   
120  
Nghĩ coi thật đã ghê thay !   
121  
Bảo-thân chước ấy, ai bày sẵn cho ?   
122  
75. Thế mà nghe những mô-hồ,   
123  
Rằng quan Đề-đốc dưới hồ Cửa-tây !   
124

Kẻ rằng treo ở cành cây,  
Kẻ rằng hẳn dưới giếng này chẳng chơi !   
125  
Thăm tìm tối lại hòa mai,   
126  
80. Định rằng hợp-táng ở nơi Học-đường.  
Hỏi ra, sau mới tỏ-tường :   
127  
Cũng loài úy-tử, cũng phường tham-sinh !   
128  
Phép công nên bắt gia-hình,   
129  
Rồi ra nặng chữ nhân-tình lại thôi.  
6. CHÊ TUẦN-PHỦ HOÀNG-HỮU-XỨNG  
85. Văn như tuần-phủ, nực cười !  
Bình-Chi là hiệu, năm mươi tuổi già.   
130  
Biết bao cơm áo nước nhà,   
131  
Kể trong sĩ-tịch cũng là đại-viên.   
132  
Chén son chưa cạn lời nguyền,  
90. Nỡ nào bỗng-chốc quên liền ngay đi.  
Lại còn quanh-quẩn làm chi ?   
133  
Hay là thương-tiếc vật gì ở đây ?   
134  
Hay là có chước bình Tây,  
Trước kia hoảng-hốt, sau nầy nghiên-tinh ?   
135  
95. Hay còn tiếc cái xuân xanh,   
136  
Tìm nơi, kiếm chốn gieo mình trú chân ?  
Hay là còn chút tứ-thân,   
137  
Đã toan tịch-cốc mấy lần lại thôi ?   
138  
Sao không biết xấu với đời ?  
100. Sao không biết thẹn với người tử trung ?   
139

7. CHÊ ÁN-SÁT TÔN-THẤT-BÁ  
Kìa Tôn-Thất-Bá, niết-công,   
140  
Kim-chi, ngọc-điệp, vốn dòng tôn-nhân.   
141  
Đã quốc-tộc, lại vương-thần,   
142  
Cũng nên hết sức kinh-luân mới là.  
105. Nước non vẫn nước-non nhà,  
Nỡ nào bán lẻ một tòa Thăng-long !   
143  
Thế mà liệu đã chẳng xong,   
144  
Mặt nào còn đứng trong vòng lưỡng gian,   
145  
Tư-giao rắp những mưu gian,   
146  
110. Thừa-cơ xin dự hội-thương, ra ngoài.   
147  
Ấy mới khôn, ấy mới tài !   
148  
Lẩn đi tránh tiếng, giục người nói quanh.   
149  
Dâng công, quyền lĩnh tỉnh-thành,   
150  
Mà toan đổ tội một mình quan trên.   
151  
115. Tội danh thật đã quả-nhiên,  
Xin đem giao xuống Cửu-nguyên Chế-đài.   
152  
9. CHÊ BỐ-CHÁNH PHAN-VĂN-TUYỂN  
Lân-la kể đến Phiên-đài,   
153  
Xỉ-ban cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.   
154  
Thác trong, thôi cũng nên đời,   
155  
120. Sống thừa, chi để kẻ cười, người chê ?  
Nhị-hà Tản-lĩnh đi về,   
156  
Giang-sơn tuyết chở, sương che cũng liều.  
10. KẾT LUẬN

Còn như ti-thuộc hạ-liêu.   
157  
Kẻ công, người quá còn nhiều chan-chan.   
158  
125. Biết đâu cho khắp mà bàn,   
159  
Sau này đã có sử-quan thẩm-bình.   
160  
Trước rèm, gió mát, trăng thanh,   
161  
Thừa-lương nhân chốn nhàn-đình thong-dong.   
162  
Xa trông tút-vút Bình-phong,   
163  
130. Chúc mừng vạn-thọ Thánh-cung lâu dài,   
164  
Rồi khi cá nước duyên-hài,   
165  
Ra tay khang-tế, dở tài kinh-luân.   
166  
Đã thánh-quân, lại hiền-thần,  
Có đâu mà chẳng quân-dân thái-hòa.   
167  
135. Bấy giờ ta lại với ta,  
Tỉnh say dật-hứng, ngâm-nga tiêu-sầu.   
168  
Hà-thành văn vũ công hầu,   
169  
Càng nghe thấy chuyện, càng rầu bên tai.   
170  
Diễn ca chính-khí một bài,   
171  
140. Để cho thiên-hạ đời đời khuyên răn.   
172

III. ĐIẾU HOÀNG-DIỆU  
1. BÀI ĐẦU  
1. Lâm đại-tiết bất khả đoạt dã.   
173  
Hoàng Chế-đài thật dạ kiên-trinh.   
174  
Phú-lang-sa bội-ước công thành,  
Việc thủ thổ, biết minh phận-sự.   
175  
5. Ngoại ung-dung, nhi nội phòng-ngự,   
176  
Nghĩ châu-phê, luống dụ-dự không đành.   
177  
Bốn bề, tiếng súng nổ đùng-đoành,  
Cơn thế bức, phải đem binh kháng-cự.  
Trong bốn mặt, thần-oai mới thử,  
10. Lũ quăn đầu biết mấy thứ dư-thi.   
178  
Bởi Tây-môn quân tướng bất-ki,   
179  
Để nên nỗi thành trì ngộ sự.  
Đứng anh-hùng thị tứ như du,   
180  
Về Võ-miếu mới định câu nhất-quyết.   
181  
15. Liệt-nhật nghiêm-sương chiêu khí-tiết,   
182  
Nùng-sơn Nhị-thủy thụ cương-thường.   
183  
Niệm trí-thân đà phải nghĩa với quân-vương,   
184  
Chữ trung-liệt lại làm gương thiên-cổ.  
Nào những kẻ thâu-sinh ngắm đó.   
185  
20. Mặt trân-trân có hổ với đời không ?  
Gẫm xem non Thái lông hồng ;   
186  
2. BÀI THỨ HAI  
1. Thiên cổ lưu phương do kí tại,   
187

Huy-hoàng chính-khí động giang-sơn.   
188  
Quê Quảng-nam, họ gọi là Hoàng,  
Ra Hà-nội làm quan tổng-đốc.  
5. Tửu nhất hồ, thi nhất trục,   
189  
Quyển thanh-liêm mà giáo-mục muôn dân,   
190  
Chẳng qua là tạo-hóa xây vần.  
Nên xui khiến một lần sấm sét.  
Chí Bạch-quỉ bội hòa đã quyết,  
10. Đưa chiến-thư định giết một thành quân.  
Nên phải cho tận đạo vi thần,  
Đăng thành-diện, trần binh bố trận.   
191  
Đã một lúc cổ-thanh pháo chấn,   
192  
Nào ai ngờ thế cận tương suy.   
193  
15. Lòng kim-long sớm đã tiên-tri,   
194  
Mặc áo mạo bước vào Long-điện.   
195  
Tạ quân-vương dập đầu xuất huyết,   
196  
Tấm trung-can đã quyết với non sông.   
197  
Đường vinh-hoa xếp để bên lòng,  
20. Sang Võ-miếu trút ra vòng tạo-hóa.  
Cơn tựu nghĩa gan vàng dạ đá,   
198  
Lòng trung-trinh soi khắp cả nghìn phương.  
Ấy cũng là một mối cương-thường,   
199  
Cho những kẻ văn-chương theo cốt-cách.  
Thơ rằng :  
25. Mãn triều đô thị thanh hồng khách,   
200  
Báo quốc vong thân độc nhất quân.   
201  
Gẫm xưa nay chưa dễ mấy lần,

Đã được mấy trung-thần như thế ấy.  
Nên cẩn bái trời xanh soi thấy,   
202  
30. Vận lâm nguy thì cứu lấy trung-thần.  
Làm nêu cho khách sự quân.   
203  
3. BÀI THỨ BA  
1. Ngô nhân khoa hoạn phùng thời dĩ,   
204  
Thần tử thung-dung tựu nghĩa nan,   
205  
Quan Hà-Ninh tổng-đốc họ Hoàng.  
Cơn thảng-thốt vững-vàng gan sắt đá.   
206  
5. Giận bạch-quỉ không tuân vương-hóa,   
207  
Mang chiến-thư ra dạ bội hòa.   
208  
Giữ cô-thành một trận xông-pha,   
209  
Có Nùng-lĩnh, Nhị-hà soi chính-khí.  
Thành-thượng hồng-kỳ huy chiến sĩ,   
210  
10. Quân-trung hỏa-pháo xạ Dương-di,   
211  
Trong thành, quân Tứ chính, Tứ-ki,   
212  
Mà tượng mạnh như hùng, như hổ.  
Tiếng pháo động trong thành, ngoài phố,  
Trận giao-phong Tây-lộ hàn tâm.   
213  
15. Vị tả-binh phản-dụng mưu thâm,   
214  
Làm nội-biến, đem lửa châm kho thuốc.  
Quan Hoàng-tướng trong thành biết trước,  
Có một mình vì nước, vì dân.  
Cờ tranh-phong còn cắm trong quân, 215  
20. Thương thay nhẽ thần-long thất thế !   
216  
Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,   
217

Tử ư quốc-sự, tử cương-thường.   
218  
Lòng xem khinh tên đạn một trường,  
Lấy danh-tiết lưu phương làm trọng.   
219  
25. Khi biện tử, tới Hành-cung bái vọng,   
220  
Lạy vua rồi ra Vũ-miếu dở kinh luân,   
221  
Làm gương cho khách quan-thân.   
222  
\*  
NHỮNG DỊ-ĐIỂM TRONG CÁC BẢN  
Bài thứ ba trên đây là tôi phiên âm bản nôm cũ mà tôi  
đã gọi là bản B. nay còn bản A, do Trương-Vĩnh-Ký chép lại,  
nhưng bản này bỏ mất đoạn từ vế 9 đến vế 20, cộng 12 vế.  
Không hiểu vì lẽ gì. Có lẽ vì hai vế 15-16 nói lính công-giáo  
phản và đốt kho thuốc súng chăng ? Nhưng, những bản  
khác còn lại như bài ông Nguyễn-Tường-Phượng đăng ở báo  
Tri-Tân số 183 cũng bỏ mất đoạn ấy. Vậy có lẽ tác-giả hay  
người khác đã bỏ từ lúc đầu. Ngoài sự bỏ 12 vế, hai bản kia  
(A và bản Tri-Tân mà tôi gọi tắt là F còn chép một vài chữ  
như sau :  
- Câu 4 « vững-vàng » : (A) bền.  
- Câu 6 « mang », (A) (F) đem.  
- Câu 22 « lấy danh-tiết lưu phương » : (F) tử danh-tiết  
lấy lưu-phương.  
- Câu 26 « dở » : (F) xếp.  
- Câu 27 « quan thân » : (F) biền-thân.  
4. VÕ-TRỌNG-BÌNH ĐIẾU

Trọng-Bình bấy giờ làm tổng-đốc Định An (Nam-Định  
Hưng-Yên). Đầu năm sau (1883), Pháp đánh lấy Nam-Định.  
Trái với lời thề trong thơ, ông không liều chết. Bị cách, đời  
Hàm-nghi Đồng-khánh ông lại được phục-chức thượng thư.  
Hán văn (Trích ở sách Tạp-ký) :  
Bình-sinh trung-nghĩa đối thanh-thiên,  
Nhất đán phi-thường thế sử-nhiên.  
Chính-khí cao tiêu Nùng-lĩnh thượng,  
Cô-hồn tiềm dẫn Thánh-nhan tiền.  
Quân năng bất phạ Tây-dương pháo,  
Ngã diệc khởi dung Phú-lãng thuyền.  
Thệ bất câu sinh quân dữ ngã,  
Anh-hùng thành bại nhất tâm kiên.  
Dịch :  
Bình-sinh trung nghĩa đối thương thương (trời xanh),  
Bỗng-chốc xui nên thế dị thường.  
Nùng-lĩnh chon-von gương chính-khí,  
Cô-hồn phảng-phất mặt quân vương.  
Ông không chút sợ súng Phú Lãng,  
Tôi há đâu dung tàu Tây dương.  
Tôi với ông thề không sống nhục,  
Anh-hùng thành bại chí đều cương.  
5. SĨ-TỬ HÀ-THÀNH ĐIẾU  
Hán-văn (Trích ở sách Tạp-ký) :  
Cô-thành độc-thủ chích thân đan,  
Khảng-khái như công thế sở nan.

Cựu-lục thiên thu truyền liệt-tiết,  
Cô-thần nhất tử kiến trung-can.  
Thâu sinh thử nhật tâm do qui,  
Nghịch-tặc đương niên cốt dĩ hàn.  
Thiên tải Nùng-sơn tiêu chính-khí,  
Anh-hùng đáo xứ lệ tương can.  
Dịch :  
Cô-thành chống giữ một mình thôi,  
Khảng khái như ông được mấy người.  
Cựu-lục nghìn năm gương tiết dọi,  
Cô-thần một chết tấm trung phơi.  
Thâu sinh ngày nọ tâm còn thẹn,  
Nghịch-tặc năm nay sợ rụng-rời.  
Nghìn thuở Nùng sơn nêu chính khí,  
Anh hùng đến thế, lệ cùng rơi.  
6. NGÔ ĐẠI-NHÂN ĐIẾU  
Ở phường Kim-cổ. Có lẽ là người đã chủ-trương việc  
mua quan-tài và đem Hoàng-Diệu ra tạm táng ở Học-  
đường.  
a) Hán văn (Trích ở sách Giai-văn tập-ký) :  
Sử nhân giai Tiên-sinh,  
Hà-thành hà chí bỉ.  
Duy nhân bất Tiên-sinh,  
Hà-thành cố nãi nhĩ.  
Công sinh hữu tử-tâm,  
Công tử hữu sinh-khí.

Thị-phi công-luận gian,  
Yên túc vi công lụy.  
Dịch :  
Nếu ai cũng như ông,  
Hà-thành đâu đến thế.  
Vì ai cũng khác ông,  
Hà-thành nên thế ấy.  
Ông sinh sẵn tử-tâm,  
Ông chết còn sinh-khí.  
Thị phi người ta bàn,  
Sao đủ làm ông lụy.  
b) Hán văn (Trích ở sách Giai-văn tập-ký) :  
Sinh ư khoa-hoạn tử cương-thường,  
Sinh bất hư-sinh, tử bất phương.  
Bất hữu Tây-dương đương nhật sự,  
Thùy tri Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.  
Dịch :  
Sinh thì khoa-hoạn, chết cương-thường,  
Sinh chẳng hư-sinh, chết vẻ-vang.  
Ví việc Tây-dương này chẳng có,  
Ai biết Hà-Ninh tổng-đốc Hoàng.  
7. TRẦN ĐÌNH-TÚC ĐIẾU  
Làm tổng-đốc Hà-ninh sau khi Nguyễn Tri-Phương mất,  
và làm Khâm-sai sau khi Hoàng-Diệu mất.

Hán văn : Chế-khổn thập dư niên, sự đồng thế dị ; Cô-  
thành thiên lý ngoại, can khổ tâm cam.  
Dịch : Tôi coi trọng trấn trước mười năm, sự đồng thế  
khác ; Ông giữ cô-thành ngoài ngàn dặm, gan đắng lòng  
cam.  
8. HOÀNG HỮU-XỨNG ĐIẾU  
Làm tuần-phủ Hà-nội, sau khi thành mất có nhịn đói ba  
hôm.  
Hán văn : Trinh tai tiết độc khổ ! Như Công diệc viết  
tận tâm yên ; thị phi hữu Triều-đình thật luận ; Qui hĩ chí  
bất quả ! Ư ngã phương tri năng tử dã (giả) ; cổ kim vi  
thiên-hạ tối nan.  
Dịch : Kiên-trinh thay ! một mình giữ trọn tiết, đến Ông  
cũng đã hết lòng ; phải trái có triều-đình cân-nhắc ; Hổ-  
thẹn vậy ! Liều thân không toại-chí. Như tôi mới hay nên  
chết ; xưa nay việc thiên-hạ khó-khăn.

IV. HÀ-THÀNH THẤT-THỦ ÁN  
1. TỔNG VỊNH  
Trái phá Tây chăm chực bắn vào,  
Chỉ không cho đánh biết làm sao.   
223  
Ngọn cờ tướng-lệnh oai-linh gượng,  
Chén rượu Đông-môn khảng-khái phào.   
224  
Uất-khí Nùng-sơn cây muốn cựa,   
225  
Thương-tâm Nhị thủy sóng tranh xao.   
226  
Dặng hoa Võ-miếu rơi thơm mãi,  
Sống trộm ghê trông thẹn biết bao.  
2. HOÀNG-DIỆU   
227  
Khảng-khái ai hơn Đốc-bộ Hoàng,  
Khăng-khăng dạ sắt với gan vàng.  
Bóng chiều khó lẽ đem về ngọ,   
228  
Đáy (nợ ?) nước xin đền một nắm xương.  
Võ-miếu cây treo dây tiết nghĩa,  
Nùng-sơn đá tạc chữ cương-thường.  
Thành năm Quí dậu nào ai trách,   
229  
Chính khí nào ai thẹn tuyết-sương.  
3. QUAN TUẦN  
Thành-hạ quan Tuần phải buổi se,   
230  
Sân-rồng phục vị chỉ ngồi nghe.   
231  
Quyên-sinh lại nghĩ thân còn vướng,  
Nhứt-quyết nhiều khi mắt đỏ hoe.   
232

Ba bữa không cơm đành uống giận,  
Mấy phen ép cháo cũng ăn dè.   
233  
Giảng hòa nghe tiếng mừng mê-mẩn,  
Một đỉnh-đình-đinh chuyện bé mè !  
4. QUAN TUẦN  
Thiên-oai mới thấy bộ ban ra,  
Con mắt bây giờ mới sáng lòa.  
Quyền khéo vuốt đuôi xui cảnh-mộ,   
234  
Ngài hay lên mặt rủ Tây hòa.  
Chiếu liền…   
235  
Xiềng sắt…  
Càng bịch đều ra càng thấy ruột,  
Trương Tùng lớp trước cũng phường ta.   
236  
5. QUAN BỐ  
Cửa-đông tiếng súng nổ đùng-đoành,  
Quan Bố mau chân đã trụt thành.   
237  
Chỉ cái non gan mà bất học,  
Chăm câu già chạy để thâu sanh.   
238  
Xui lòng Hoài-đức lây thêm ghét,  
Gớm mặt Sơn-tây muốn dứt tình.  
Quan lại có đâu mà tệ thế !  
Ngàn thu một tiếng để lưu danh.  
6. QUAN BỐ  
Đường-đường đại-tỉnh mặt phiên-đài,   
239  
Nhĩ-mục trông vào há phải chơi.

Đứng chốn can-thành nghe cũng cực,   
240  
Tới trong đại-tiết nỡ nào rời.  
Làm trai sinh-tử coi như bỡn,  
Đến cuộc phong-ba phải khác người.  
Gặp lúc chết thơm mà sợ chết,  
Trụt thành sống để dựng bia cười.  
7. QUAN ÁN  
Biết trước tin nên kéo lảng ngoài,  
Hạ thành ba bữa võng tìm Ngài.  
Một ngọn long-phi cờ đã cắm,  
Bốn bề lôi-phục đất còn khơi.  
Tri-kỉ, người Tây huy-biểu thật,  
Mưu thân, quan Án rõ-ràng tài.   
241  
Càng hay Tôn-thất, Tây càng dụng.  
Tổng-đốc phen này hẳn chẳng sai.  
8. QUAN ÁN  
Tỉnh ta quan Án được Tây thương,  
Bảo trước đi ra đủ mọi đường.  
Nhận lấy tờ thư cho ngoại-tỉnh,  
Tìm nơi nằm núp ẩn… nường.   
242  
Thẳng về Nhân-mục thuê làm sớ,  
Hẹn với thông Phong lúc xuống Trường.   
243  
Kể nỗi mưu thâm đà thật khéo,  
Phải liều khi-trá với quân-vương.   
244  
9. QUAN ĐỀ

Nhắc cân Thái-lĩnh với hồng-mao,   
245  
Hứa quốc quan Đề khảng khái sao !   
246  
Thắt cổ tay còn bưng lấy chạc,   
247  
Trẫm mình đầu lại gối lên cao.  
Rờ lưng tìm thuốc rơi đâu quách,  
Tuốt vỏ gươm ra cắt chẳng vào.  
Tứ bất-tử rồi ngơ-ngẩn mãi,   
248  
Quày theo quan Án trở đường nào ?   
249

PHỤ LỤC  
1. DI-BIỂU CỦA HOÀNG-DIỆU  
« Trần-tình biểu »  
« Tôi, học-vấn thô-sơ, ủy-dụng rất lớn. Được giao-giữ  
một phương đất nước, gặp phải khi bờ-cõi chưa yên. Một  
kiếp thư-sinh, chưa từng quen lo biên-sự ; mười năm  
thương-ước, thế nào tin được địch-tâm.  
« Tôi từ khi chịu mệnh đến nay, đã được ba năm. Huấn-  
luyện giáp-binh, sửa-sang thành trại. Ấy chẳng những lo-  
toan củng-cố bờ-cõi, mà cũng là phòng-bị lòng chúng sài-  
lang.  
« Nào ngờ : tổ chim vừa rào, lòng thú gây biến. Tháng  
hai năm nay, bốn hỏa-thuyền Phú (Pháp) về tụ-tập, các đồn  
binh chúng thêm nhiều quân. Quân kia xa lại, lòng dân nôn-  
nao.  
« Tôi trộm nghĩ rằng Hà-thành là đất cuống họng của  
Bắc-kỳ, lại là khu yếu-hại của bản-quốc. Nếu một ngày tan-  
tành như đất lở, thì các tỉnh lần-lượt mất như ngói bong. Tôi  
lấy làm lo. Khẩn-tư các hạt, tâu lên Triều-đình. Xin cho  
thêm binh, may sớm kịp việc.  
« Thế mà chiếu-thư mấy lần ban xuống, quở tôi việc  
đem quân dọa-dẫm, bắt tôi tội chế-ngữ thất-thời. Kính đọc  
lời dạy, thấy rất nghiêm-khắc. Quan dân thất-vọng, tiến  
thoái lưỡng nan.

« Rất hay rằng tự-quyết không tài, há giữ nghĩa đại-phu  
ra cõi ; đành tự lấy dạy răn làm sợ, từng kính lòng cổ-nhân  
thờ vua. Hằng ngày, với một hai đồng-liêu bàn-nghị. Kẻ thì  
bảo nên mở cửa, cho nó mặc ra vào ; kẻ thì bàn hãy triệt  
binh, để nó thôi nghi-kỵ. Những việc như thế, thì dẫu phải  
tan xương nát thịt, tôi không nỡ lòng làm.  
« Thu-xếp chưa quyết, nó đã bội hòa. Ngày mồng bảy  
tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gấp   
250. Quân  
giặc leo như đàn kiến, súng giặc nổ như sấm ran. Ngoài phố  
cháy lan, trong thành khí mất. Mà tôi, gượng bệnh ra sức  
đánh, đi đầu trước quân binh. Bắn chết hơn trăm, liều giữ  
nửa buổi.  
« Nó đủ, ta kiệt ; viện tuyệt, thế cùng. Vũ-biền thì sợ  
giặc mà chạy hàng đàn, văn-thần thì ngóng chừng mà tan  
cả lũ.  
« Lòng tôi như cắt, một tay khôn cầm. Tướng-lược  
không tài, tự nghĩ sống là vô-ích ; thành mất chẳng cứu, ví  
bằng chết cũng chưa đền. Đem thân định quyên sinh, không  
thể học Tào Mạt hay dọa địch ; theo cổ đền trách-nhiệm,  
chỉ mong theo Trương Tuần chết giữ thành.  
« Giám đâu trung-nghĩa gọi là, chỉ vì sự-thế bắt-buộc.  
Đất trung-thổ trở nên địch-địa, sống thẹn cùng phường  
nhân-sĩ Bắc-hà ; lòng cô-trung thề với Long-thành, chết  
mong theo Nguyễn-Tri-Phương dưới đất.  
« Mấy hàng huyết-lệ, muôn dặm quân-môn. Nguyện  
ánh-sáng nhật nguyệt soi tỏ tấm lòng son của tôi mà thôi.  
« Tự-Đức năm thứ 35, ngày mồng tám tháng tư ».

\*  
CHÚ-Ý :  
Bài biểu này nguyên bằng Hán-văn, viết theo lối tứ-lục,  
gồm từng hai câu đối một, trừ một vài câu ngắn ở đầu tiết  
hay cuối bài. Tôi gắng dịch theo văn lối ấy.  
Tôi đã theo một bản chép cũ. Hiện nay tôi chưa có bản  
khác để so-sánh. Vả sách Đại-Nam Thật-lục cũng không hề  
nói đến di-biểu ấy.  
Mà sự so-sánh ấy rất cần. Vì nó có thể giải-quyết một  
câu-hỏi mà tôi nêu ra, là bài di-biểu này có thật của Hoàng-  
Diệu viết ra, hay là của người khác viết thay cho ông sau  
khi ông đã mất.  
Có sự nghi ngờ ấy, là bởi trong bản của tôi cũng như  
trong bản mà ông Khuê trai đã dùng trong bài Hoàng-Diệu  
đăng báo Tri-Tân số 182, đều chép lầm ngày Pháp hạ chiến-  
thư. Các bản ấy đều chép : « Bản nguyệt sơ thất nhật, tiên  
hạ chiến-thư, thứ nhật cấp kích », nghĩa là ngày mồng BẢY  
tháng này, trước hạ chiến-thư, ngày sau đánh gấp. So với  
lời thông Phong đã kể rõ-ràng trên, so với sách Đại-Nam  
Thật-lục và so với chính lời của Henri Rivière trình về Pháp  
(xem bài sau), thì chép thế là sai.  
Hoặc giả những bản biểu quả thật chép sai như vậy, thì  
chắc-chắn rằng không phải Hoàng-Diệu viết ra, vì không lẽ  
gì mà ông vẫn tỉnh-táo viết được bài văn tứ-lục, mà quên  
việc mới xẩy ra lúc buổi sáng ngày.

Hoặc-giả những bản biểu có thật, nhưng do một người  
nào đã sao lầm từ trước. Sự lầm ấy có thể xẩy ra như sau :  
Nguyên văn hai câu « Tiên hạ chiến-thư, thứ… cấp-kích »  
cân-đối nhau. Chữ « tiên » là trước hay đầu, chữ « thứ » là  
sau. Chữ « hạ » là một động-tự, thì chữ thứ hai trong vế  
dưới cũng là một động-tự, ví dụ như chữ « tiến » chẳng  
hạn. Những kẻ sao vô-ý, nên chép thành « thứ nhật »,  
nghĩa là ngày sau. Nhưng như thế là sai ngày đánh Hà-nội.  
Cho nên sau có kẻ lại phải chữa ngày hạ chiến-thư là ngày  
mồng bảy, để cho ngày mất thành trở nên đúng.  
Đó chỉ là một giả-thuyết mà thôi. Phải có thêm tài-liệu  
mới giải-quyết được điểm ngờ này.  
2. DỤ KỂ CÔNG TỘI  
Sau đây là lời vua khen Hoàng-Diệu và kết tội các viên  
khác :  
« Tự-Đức năm thứ 35, ngày mồng 10 tháng 5.  
« Nội-các-thần là Tôn-Thất-Sâm, Tạ-Thúc-Dĩnh, Lê-Đại  
vâng lời thượng dụ như sau :  
« Trung-nghĩa là tiết lớn của nhân-thần ; thưởng-phạt là  
quyền to của nhà nước. Có công không thưởng, có tội không  
răn, thì dẫu đến các đấng Nghiêu Thuấn cũng không hóa  
được thiên-hạ.  
« Gần đây, Hà-thành có việc. Tổng-đốc Hoàng-Diệu đã  
thề cố-thủ, có chết cũng không đổi chí. Các bầy-tôi cùng coi  
thành lẽ ra phải đồng tâm nỗ lực, bám thành huyết-chiến,  
chết cũng không rời. Thế mới hợp với nghĩa trí-thân.

« Thế mà, tất cả khiếp-nhược, không giữ trọn nghĩa.  
Trong khi thành mất, chỉ một mình Hoàng-Diệu tận-trung  
tử-tiết mà thôi. Rất đáng khen.  
« Đến như bọn Lê-Văn-Trinh, Phan-Văn-Tuyển, Lê-Trực,  
Hồ-Như-Phong, Nguyễn-Đình-Đường, đều là những viên  
cao-cấp trong một tỉnh. Thế mà sợ chết tham sống, bỏ  
thành trốn chạy.  
« Phan-Văn-Tuyển lại trốn trước, chạy lên Sơn-tây. Sự  
làm ấy tỏ lòng hèn-nhát, hoảng hốt không kể xiết.  
« Hoàng-Hữu-Xứng tuy ốm không ra khỏi thành, nhưng  
cam tâm chịu nhục, không biết sống chết với thành. Kẻ  
nhân-thần phải lấy thân báo nước ; sao mà lại như thế ?  
« Tôn-Thất-Bá, tuy ra trước để thương-thuyết, nhưng  
trong khi gây sự, không trở lại giữ thành. Mà sau, lại không  
hay kết-hợp binh-dân, để liệu sự một cách chính-đáng. Trái  
lại, cùng chúng điều-đình dai-dẳng để thoát một cách láu-  
lỉnh.  
« Những kẻ bầy tôi giữ cõi, khi gặp nạn, sao lại cẩu-thả  
như thế. Như vậy thì trước đây, tranh biện với nước kia, làm  
sao bênh được quyền-lợi của nước.  
« Vậy phải kể rõ tội-danh để khuyến-lệ thần-tiết.  
« Bọn Hoàng-Hữu-Xứng, thì trước hết phải giải chức,  
giao cho các viên-chức mới, là tổng-đốc Trần-Đình-Túc,  
tuần-phủ Nguyễn-Hữu-Độ, bố-chánh Hoàng-Hữu-Thường,  
thông-biện Vũ-Nhữ, một mặt bắt giải về Kinh, một mặt cứu-  
minh rồi tâu về, để làm rõ hình-pháp.

« Còn dư những bọn thuộc-viên, tỉnh-thành thủ-úy,  
phòng thủ-úy, quản-cơ, suất-đội, thì đều có trách-nhiệm  
cầm quân ngữ-thủ. Đã không hay ra sức giết giặc, mà lại  
còn đem nhau chạy trốn. Không có một người nào tử-tiết  
cùng chủ-tướng. Thật rất đáng giận.  
« Lại các viên-chức hàng văn, như tri-phủ, tri-huyện,  
kinh-lịch, thông-phán, hoặc có kẻ giữ đất, hoặc có kẻ giúp  
việc. Trong hạng nầy cũng có kẻ khá, có kẻ dở khác nhau.  
Trước sau chúng đã giúp việc Hoàng-Diệu ra sao, thì phải  
cứu-minh các sự-trạng cho rõ sự thật. Hãy lập-tức tâu về,  
sẽ có chỉ ban riêng khen hay quở.  
« Lại sao các hồ-sơ, giao cho kinh-lược-sứ Nguyễn-  
Chinh duyệt rõ. Nếu có điều dối hay sót, thì giao cho kinh-  
lược-sứ xét lại, rồi tâu lên, để cho công-bình.  
« Kính đấy ! »  
\*  
CHÚ-Ý : Bài dụ nầy là dịch theo một bản chép cũ. Trong  
sách Đại-Nam-thực-lục, cũng có chép lại một phần lớn lời  
nầy (kỷ 14, quyển 67, trương 36b). Sách ấy lại chú-thích  
rằng tháng 11 năm Tự-Đức thứ 36 (1883), đình-nghị đem  
Hoàng-Diệu thờ ở đền Trung-nghĩa ; bọn Hữu-Xứng thì phải  
cách, nhưng cho lập công chuộc tội (sau đó lại lượng-thứ và  
cho khai-phục), trừ Phan-Đình-Tuyển, thì phải cách về làng  
làm dân. Hai con Hoàng-Diệu ra đem quan-tài cụ về táng ở  
làng. Vua Tự-Đức ban cho một nghìn quan tiền để cấp cho  
mẹ ông.

3. TỐI-HẬU-THƯ  
Henri Rivière gửi cho Hoàng-Diệu : Bức thư này giữ ở «  
tài-liệu Tham-mưu-cục », và đã in trong cuốn Hoàng-thư  
thuộc loại việc Bắc-kỳ. Lời-lẽ bức-thư này thế nào, độc giả  
đọc lên sẽ tự cảm thấy :  
« Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1882.  
« Quan tư Rivière gửi cho quan tổng-đốc Hà-nội.  
« Liền sau khi tới đây   
251, tôi đã nhờ người   
252 nói, và tôi  
đã viết thư cho Ngài, kể rõ ý-định sở-dĩ nước Pháp phái  
quân đến Hà-nội. Nước Pháp muốn có thế khá hơn để che-  
chở kiều-dân Pháp và những người Pháp qua lại, khỏi bị  
quân Cờ-đen đe-dọa. Những hành-động ấy chỉ có tính-cách  
thân-thiện và hợp với điều-ước giao-kết với chính-phủ Đại-  
nam.  
« Ngài đã trả lời cho tôi một cách thế nào ? Bằng cách  
ngờ-vực và kình-địch. Hôm sau ngày chúng tôi tới, Ngài sai  
đóng cửa thành khi sĩ-quan chúng tôi muốn vào thành ; thế  
mà ngày hôm trước họ còn tự-do đi qua thành. Trong cuộc  
tôi tới thăm Ngài   
253, tôi đã nhã-nhặn phản đối những  
quyết-định ấy. Thế mà Ngài cũng không đổi. Ngài lại không  
đáp lễ thăm tôi. Ngài liền bắt đầu xây dựng những tạo-tác  
phòng-thủ, mà càng ngày Ngài càng tăng ráo-riết, và không  
giấu-giếm, để rõ-ràng cho chúng tôi thấy.  
« Khi quan Bố, rồi quan Án tới thăm tôi, chỉ cách nhau  
vài ngày, tôi đã hai lần nhờ về nói với Ngài rằng tôi không  
thích nhìn thấy những tạo-tác ấy trên thành. Đó là tôi đã  
cảnh-cáo một cách hòa-nhã. Ngài đã không đếm-xỉa tới lời

cảnh cáo ấy, và lại càng tiếp-tục những tạo-tác một cách  
rộn-rịp hơn trước.  
« Thưa quan Tổng-đốc, sự-tình này không thể kéo dài  
được nữa. Thành có thể trở nên nguy-hiểm cho quân-lính  
chúng tôi. Chúng tôi phải trừ-khử vật nguy-hiểm ấy.  
« Bây giờ, hãy nghe những lời tôi sẽ nói với Ngài. Những  
đề-nghị mà tôi sẽ đưa cho Ngài là một cách dàn-hòa, để cho  
sự bất-bình giữa hai chính-phủ không trở nên nghiêm-trọng.  
Tôi đề-nghị với Ngài hãy nộp thành cho tôi, với những điều-  
kiện mà tôi sắp kể sau. Hôm nay, và lập-tức sau khi nhận  
bức thư này, Ngài hãy ra lệnh cho binh-sĩ bỏ thành, sau khi  
để lại những súng-ống ; mở các cửa ra, và để đảm-bảo rằng  
mệnh-lệnh ấy sẽ được thi-hành. Ngày hãy, lúc đúng 8 giờ  
sáng, quan-bố, quan-án, quan đề-đốc, chánh-lĩnh-binh,  
phó-lĩnh-binh.  
« Kỳ-hạn ấy là ngặt. Nhưng từ khá lâu nay, Ngài đã  
tiên-đoán những kết-quả của tình-hình ở đây, cho nên chắc  
Ngài không lấy đó làm lạ. Vậy, tôi sẽ đợi Ngài ở nhà tôi, lúc  
8 giờ sáng. Quân của tôi, sẽ theo lời thừa-nhận của Ngài,  
chiếm lấy thành, mà không bị sự gì chống lại. Tôi sẽ tự chọn  
những cách thuận-tiện để làm cho thành từ rày không có  
thể làm hại đến binh-lính chúng tôi. Công việc ấy sẽ mất  
chừng ba ngày. Nhưng khi xong rồi, tôi hứa sẽ trả lại cho  
Ngài, thành với kho-tàng, công-thự, nhà ở, và một phần bờ  
thành. Sự cai-trị trong tỉnh sẽ không thay đổi, mà tỉnh vẫn  
thuộc Hoàng-đế Đại-nam. Chỉ có thành, thì tuy rằng vẫn là  
của Ngài, nhưng sẽ thôi không là một vật khiêu-khích chúng  
tôi nữa.

« Nếu Ngài nhận những điều-kiện ấy, thì sự hòa-hảo sẽ  
trở lại giữa chúng ta. Và sự Ngài tới Lãnh-sự-quán, đúng lúc  
8 giờ, sẽ chứng-tỏ rằng Ngài muốn hòa-bình và hòa-thuận.  
Nhưng nếu đúng 8 giờ, Ngài không thân-hành đến Lãnh-sự-  
quán với tất cả những viên quan đã kể trên, để nói cho tôi  
biết rằng Ngài đã nhận những điều-kiện của tôi, thì quân tôi  
sẽ lập-tức tấn-công thành ».  
4. TỜ TRÌNH CỦA H. RIVIÈRE VỀ VIỆC ĐÁNH HÀ-NỘI  
Trong tờ di-biểu trên, ta đã thấy kể qua-loa về việc này,  
theo mắt một người ta. Về phương-diện Pháp, có tờ trình  
của H. Rivière gửi về cho bộ Thủy-quân, nói rất rõ về  
duyên-cớ, sự định-tâm, sự sửa-soạn và sự tấn-công của  
quân Pháp. Sau đây tôi dịch từng đoạn, và tóm-tắt những  
đoạn kia :  
« Hà-nội, ngày 27 tháng 4 năm 1882.  
« Trình Đô-đốc Jauréguiberry, bộ-trưởng bộ Thủy-quân  
và Thuộc-địa.  
« Liền sau khi tới Hà-nội, tôi nhận thấy các quan trong  
thành đã sửa-soạn những tạo-tác phòng-ngữ, một ngày một  
nghiêm. Tôi cũng sửa-soạn để hành-động ».  
H. Rivière liền cho chở binh-sĩ, khí-giới, đạn-dược từ  
Hải-Phòng lên. Bấy giờ ở Hải-phòng có bảy tàu thủy :  
« Tôi vừa sửa-soạn, vừa kháng-nghị với quan Tổng-đốc  
về việc phòng-thủ thành, nhưng một cách hòa-nhã. Tôi  
cũng không cố-nài lắm, vì nếu tôi cố-nài, thì tôi bắt-buộc

phải hành-động ; mà tôi lại muốn tụ-tập đủ mọi phương-  
tiện trước khi hành động ».  
Ngày 24 tháng 4, quân đến nơi. Có 450 quân thủy-xạ,  
20 thủy-pháo-binh, 3 đại-bác 40 ly, 20 lính bản-xứ, 130  
thủy-binh, 1 đại-bác 120 ly. 1 đại-bác 40 ly để sẵn ở Đồn-  
thủy, và 4 đại-bác 40 ly mới đem thêm sau nữa :  
« Rồi thì tôi gửi tối-hậu-thư cho viên Tổng-đốc. Tôi gửi  
lúc 5 giờ sáng, và chỉ cho y 3 giờ để trả lời. Kỳ-hạn ấy ngặt,  
như tôi cũng nói trong tối-hậu-thư, nhưng y đã sửa-soạn  
chống ta trong khá lâu, cho nên y không thể lấy làm ngạc-  
nhiên. Vào khoảng bảy rưỡi, y sai người xin thêm hạn một  
ngày. Ý tôi là không cho. Vả tôi cũng không cần trả-lời, vì kẻ  
mang thư tới, liền bỏ đi mất. Lúc 8 giờ, là giờ cuối mà tôi đã  
hẹn cho viên Tổng-đốc, y không tới. Vậy chỉ có cách hành-  
động ».  
Kế-hoạch định trước và được thi-hành là như sau. Từ 8  
giờ 15 đến 10 giờ 15, đại-bác các chiến-thuyền bắn. Cho  
đến 9 giờ 15, thì cốt bắn vào cửa Bắc và khoảng thành từ  
cửa Bắc đến pháo-đài góc Tây-bắc. Trong lúc ấy, thì một  
toán quân nhỏ tiến đến gần cửa Đông và bắn trái phá vào  
đó để lừa bên địch. Còn đại-quân thì đi theo bờ sông, từ  
Đồn-thủy đến trước cửa Bắc, nấp sau cây và nhà lá. Sau 9  
giờ 15, quân lại áp thành phía góc Tây-bắc. Đại-bác bắn xa  
vào trong thành, nhắm các dinh trại, kho-tàng.  
Bấy giờ, một phát bắn vào kho thuốc, kho ấy nổ. Đại-  
bác ngừng bắn lúc 10 giờ 15. Còn lính thì bắc thang tre dài  
6 mét, trèo lên thành phía góc Tây-bắc. Lúc lên trên đỉnh

thành thì tiến đến cửa Bắc. Trong lúc ấy, chủ-lực-quân tiến  
sát đến cửa Bắc để phá cửa. Quân giữ cửa bỏ chạy. Thành  
bèn mất :  
« Ta có bốn người bị thương, thiếu-tá De Villers bị  
thương ở đầu gối từ lúc đầu. Bên An-nam, ta đếm được 40  
xác chết và 20 bị thương. Số bị-thương phải nhiều hơn thế  
lắm. Nhưng đứa nào chạy được thì đã chạy cả rồi ».  
Ngày 30 tháng 4 năm 1882 :  
« Buổi sáng ngày 26 tháng 4, chúng tôi được tin viên  
Tổng-đốc đã tự-ải. Viên ấy là một người điềm-đạm và  
cương-quyết   
254. Ông tự-tử như vậy là lợi cho ta. Tính can-  
đảm và ảnh-hưởng của ông có thể gây khó-khăn cho ta,  
nhất là sau khi ông sẽ liên lạc với « Hoàng-thân Hoàng »  
(tức là Hoàng-Kế-Viêm) còn đóng ở Sơn-tây ».   
255  
Lấy xong thành, H. Rivière cho tịch-thu sở Thương-  
chánh, và kho-tàng trong thành. Lại sai ném súng đại-bác  
trên thành xuống hào, phá các cửa thành, và phá một vài  
khoảng thành. Quân Pháp đóng tại điện Kính-thiên, và đổi  
điện thành một pháo-đài kiên-cố. Sau này các quan ta điều-  
đình mãi mà cũng không khi nào Pháp chịu trả nữa.  
5. HOÀNG HỮU-XỨNG VÀ TÔN-THẤT-BÁ  
Trong các chuyện đáng buồn xẩy ra trong vụ Hà-nội mất  
lần thứ hai, buồn nhất là chuyện Tôn-Thất-Bá.  
Bá được H. Rivière mời về, điều-đình trả thành cho. Vì  
Bá không phải quan đầu tỉnh, nên Pháp ép quan tuần  
Hoàng-Hữu-Xứng   
dự   
cuộc   
thương-thuyết.   
Hữu-Xứng

ngượng-ngùng nghe theo. Còn kẻ chủ-mưu là Bá. Về đoạn  
này, trong sách Đại-nam thật-lục (quyển 97, kỷ thứ 4) chép  
rõ. Lời chép như sau :  
« Bấy giờ nước Phú (Pháp) phái binh-thuyền thêm đến  
bến Cơ-xá, và hằng ngày khiêu-khích. Hằng ngày, Phú sai  
binh mang khí-giới qua lại ngoài thành, thanh-ngôn sẽ vào  
thành đóng. Diệu phòng-bị nghiêm-ngặt. Phái-viên Phú đòi  
phải triệt-phá những việc phòng-ngữ ấy. Diệu không chịu.  
Rạng ngày mồng 8, người Phú sai đem chiến-thư tới. Diệu  
ủy cho án-sát Tôn-Thất-Bá ra thành thương-thuyết. Bá vừa  
ra khỏi thành, thì binh Phú đã bắn bức thành. Diệu và tuần-  
phủ Hoàng-Hữu-Xứng chia quân đốc-cự hồi lâu. Quân ta và  
quân Phú đều có bị thương chết. Bỗng-chốc kho nổ cháy.  
Quân trở nên loạn. Quân Phú bắc thang trèo lên thành.  
Thành bèn mất. Cự nhau từ giờ Mão đến giờ Mùi.  
« Diệu rẽ qua đám loạn-binh. Một mình tới trước đền  
Quan-công. Đền ở trong thành lớn, nhưng ở ngoài thành  
ngăn. Diệu thắt cổ ở dưới một cây lớn. Đề-đốc Lê-Văn-Trinh,  
bố-chánh Phan-Văn-Tuyển, lãnh-binh Lê-Trực, phó-lãnh-  
binh Hồ-Văn-Phong, Nguyễn-Đình-Đường đều chạy, trèo  
thành ra ngoài. Bấy giờ, Hữu-Xứng tìm hỏi Diệu, thì không  
biết Diệu ở đâu. Y bèn vào thềm bên tả Hành-cung. Một lát  
sau, phái-viên Phú bắt giam. Phái-viên dỗ Hữu-Xứng một  
cách lễ phép, nhưng Hữu-Xứng không chịu khuất, mắng lại.  
Nhưng y cũng không chịu giết. Y bèn sai đem về dinh Tuần-  
phủ mà giam đó.  
« Xong rồi, phái-viên Phú đòi Bá về (Bá nguyên chạy  
vào làng Nhân-mục), để giao tỉnh-thành. Bá tới cùng Hữu-

Xứng hết sức bàn-cãi để tạm nhận lấy. Trước đó Hữu-Xứng  
đã từng nhịn ăn đến ốm. Lúc ban đầu khi Bá mới tới, Hữu-  
Xứng không nhận lời. Bá khóc-lóc mấy lần mà bày-tỏ sự lợi  
hại. Vả chăng, Hữu-Xứng cũng nghĩ rằng nếu không quyền-  
nhận thì lại thêm sự khó-khăn khổ-sở. Vì vậy, cho nên gắng  
dậy mà theo Bá. Nhưng phàm việc bàn-nghị thì do Bá làm  
hết. Hữu-Xứng lại sai người cầm giấy tư cho Hoàng-Tá-Viêm  
(tức Kế-Viêm), Nguyễn-Chánh, và các hạt lân-cận, rằng nếu  
có thể tiếp-viện cứu thành một cách đàng-hoàng được thì  
làm, chớ cho sự nhận thành ở đây làm ngại. Và Hữu-Xứng  
tâu về Triều xin chịu tội. Người Phú trả thành, nhưng vẫn  
đóng ở Hành-cung ».  
Trên đây là chính-sử ta chép chuyện, nhưng kẻ chép lại  
là Hữu-Xứng, là người chủ-động trong việc nầy. Cho nên ta  
thấy ông đã tìm cách tự bào-chữa, và ám-chỉ Tôn-Thất-Bá  
là kẻ chủ-mưu giao-thiệp với Pháp, sau khi thành mất. Sự  
thật đúng như thế. Chính Rivière cũng chỉ biết một mình Bá.  
Mà tờ giao-kết trả thành, cũng chỉ có một mình Bá ký mà  
thôi. Bá lại còn nhận làm quyền tổng-đốc Hà-Ninh để làm «  
an-dân ». Những việc ấy trong các thư H. Rivière gửi cho  
Sài-gòn và tổng-lãnh-sự ở Huế còn nói rõ cả.  
Nhưng có một việc khác Bá làm, mà chính H. Rivière  
ban đầu cũng muốn giấu, nhưng sau bị bại-lộ, buộc ông  
phải nói ra. Đó là chuyện Bá xin lấy trộm của công một vạn  
quan tiền để thưởng công cho mình đã chịu nhận thành và  
chức Tổng-đốc. Câu chuyện như sau, tôi sẽ kể lại theo các  
thư của H. Rivière :

Ít lâu sau khi Hà-thành thất-thủ, một người đàn-bà từ  
Ninh-hải (tức Hải-phòng ngày nay) đi tàu vào cửa Thị-nại  
(Qui-nhơn). Y đem theo 1.200 quan tiền vào để đổi bạc  
trong ấy, vì bạc trong ấy rẻ. Quan trên thấy số tiền lớn bèn  
bắt giữ lại, thì y khai là vợ của tên thông-ngôn Phong làm  
với quan tư Rivière, và tiền là của Phong.  
Bốn tháng sau, ti Thương-bạc ở Huế viết thư cho lãnh-  
sự Pháp là Rheinart nói về chuyện ấy. Rheinart lấy làm khó  
chịu. Ngày 6 tháng chạp, bèn viết thư cho H. Rivière ở Hà-  
nội, nói rằng có lẽ thông Phong lợi-dụng quyền-thế mà mua  
tiền được rẻ ở Hà-nội.  
Sau đây là quãng đầu bức thư mà Rivière viết ngày 2  
tháng giêng năm 1883, trả lời cho Rheinart :  
« Tôi đồng ý với ông rằng những lời bóng-gió của quan  
Thương-bạc không thể động-chạm đến các sĩ-quan ta. Tôi  
gửi kèm theo đây cho ông những giấy-má, để ông hiểu rõ  
thật-trạng việc này. Tôi tin rằng ông giữ kín-đáo, không để  
các giấy-má ấy làm lụy đến quan Án. Điều lợi cho ta là đừng  
làm lộ những việc mà các quan đã làm, hay có thể làm ích  
cho ta. Ta không nên để ý quá đến dây liên-lạc mỏng-manh  
nối quan Án và vua. Nhưng ta đã nhờ công của viên quan  
này mà sự cai-trị Hà-nội và hai tỉnh đã chốc-lát qua tay từ  
một viên-chức này sang viên-chức khác. Sự ấy đã làm cho  
ta tránh khỏi sự hỗn-độn và rối-loạn. Nếu không thì rất có  
thể có một cuộc quấy rối bởi các thân-sĩ như năm 1873.  
« Muốn đòi trả những công-trạng ấy (tuy y không nói  
ra), quan Án đã xin Kergaradec (viên lãnh-sự) và tôi lấy

một vạn quan trong thành mà không phải biên-lai cho  
chúng tôi. Chúng tôi đã bằng lòng. Viên quan ba coi việc  
hằng ngày ở Hành-cung là Guilloteau, đã được lệnh để y lấy,  
và đã chứng-kiến sự lấy ấy.  
« Mấy ngày sau, quan Án cho chúng tôi biết rằng, trong  
số tiền ấy, y đã giao cho một người đàn bà mang đi 1.200  
quan để đưa vào Qui-nhơn, nhưng lúc qua Hải-phòng, thì bị  
sở thương-chánh Hải-phòng giữ lại. Tôi đã viết lệnh gửi cho  
ông Rocca Serra, bảo rằng bởi lý-do chính-trị phải để số tiền  
ấy đi qua.  
« Ông vừa cho tôi biết sự xẩy ra ở Qui-nhơn. Thông  
Phong vẫn có tiếng là trong-sạch lắm. Có lẽ ông Kergaradec  
chỉ dùng y để hỏi giấy xuất-dương của người đàn-bà kia mà  
thôi. Tôi không tin rằng người đàn bà kia là vợ y. Có lẽ  
những lời người đàn bà ấy khai, để chứng rằng tiền là của  
mình, là những lời bịa ra mà thôi. Tôi đã không hỏi tên  
Phong được, vì nó đã rời khỏi Bắc-kỳ, và nay nó ở Sài-gòn.  
« Tôi không nhớ rằng những quan An-nam ở Hà-nội  
từng hỏi chúng tôi về việc ấy. Chúng đã hỏi Kergaradec  
chăng ? Nguyên trong lời quan Thương-bạc có nói rằng số  
tiền ở kho đã mất, và đã hỏi ông lãnh-sự Pháp ở Hà-nội thì  
ông ấy bảo đã lấy một ít để trả phu). Tôi nghĩ rằng, chỉ nên  
lặp lại lời mà chúng đã nói là của Kergaradec. Thế là lợi hơn  
cả. Như vậy thì chuyện của quan Án sẽ bị lấp bừa đi. Đó là  
chưa kể đến sự nếu quan Án bị chết trong vụ nầy, thì ta  
cũng không có lợi gì mà khơi chuyện ấy ra như là chuyện  
của ta nữa… »

Đọc đến đây, ta thấy rằng những lời chửi rủa của kẻ  
đương-thời đối với vị quan này không có gì quá đáng, mà lại  
còn nhẹ nữa.

IN TẠI NHÀ IN XUÂN-THU  
89 PHỐ HÀNG ĐẪY, HÀ-NỘI  
XONG NGÀY 31-5-1950

Notes  
[←1]  
Tiết mạnh-hạ : Tháng tư.

[←2]  
Điên-mạt : Đầu đuôi.

[←3]  
Phân-nhiễu : Rối loạn.

[←4]  
Năm Quí-dậu : 1873.

[←5]  
Trường-thi : Khoảng thư viện và trường kỹ-nghệ Hà-nội.

[←6]  
Ngạc-nhe An-nghiệp : Francis Garnier.

[←7]  
Trước năm giờ sáng.

[←8]  
Khâm-thừa quan Nguyễn : Khâm-sai Nguyễn-Tri-Phương.

[←9]  
Phò Lâm : Phò-mã Nguyễn-Lâm con Nguyễn-Tri-Phương.

[←10]  
Lên quân-thứ Sơn tây. Nguyên-bản chép : « nên thứ », không hiểu nghĩa  
nên chúng tôi đoán mà chữa.

[←11]  
Ông tham Tôn : Tôn-Thất-Thuyết.

[←12]  
Diễn, Canh : Các làng trên đường đi Sơn-tây.

[←13]  
Nhơn-nhơn : Sửa-soạn một cách rộn-rịp.

[←14]  
Ninh-hải : Hải-phòng.

[←15]  
Định, An-Ninh-hải : Hưng-yên, Nam-định và Hải-phòng.

[←16]  
Quan Hoàng Thống : Hoàng-Kế-Viêm thống-đốc các quân ở Bắc-kỳ.

[←17]  
Lưu Hắc kì : Lưu-Vĩnh-Phúc tướng-quân Cờ-đen rút về Lao-kay. Sông Ngâu  
là sông nhánh ở tả ngạn sông Thao. Chảy qua địa-hạt Lao-kay.

[←18]  
Vua Tự-Đức nhiều tuổi, chính sự không cương quyết.

[←19]  
Hoắc-đạo-sinh : Philastre cùng Nguyễn-Văn-Tường lần này ra Hà-nội giàn-  
xếp.

[←20]  
Chỉ truyền : Lời vua truyền.

[←21]  
Năm Giáp-tuất : 1874.

[←22]  
Quan Tăng-Doãn : Nguyễn-Tăng-Doãn được bổ làm tuần-phủ Hải-dương  
để giao-thiệp với Pháp. Nguyên-bản chép « Nhũng » là sai.

[←23]  
Tràng-tây : Khu đất dọc bờ sông, từ khoảng bảo-tàng Đông-phương bác-cổ  
đến nhà thương Đồn-thủy.

[←24]  
Chỉn khôn : Rất khó khăn.

[←25]  
Đình-Túc : Trần-Đình-Túc.

[←26]  
Người tri-chức : Hưu-trí.

[←27]  
Trần : Trần-Đình-Túc.

[←28]  
Mần răng : Làm sao.

[←29]  
Chừng gió Tây : Theo chừng thế-lực Pháp.

[←30]  
Khoảng 1880-1881.

[←31]  
Trong thành.

[←32]  
Giờ Thìn : Quá bảy giờ sáng.

[←33]  
Nhất chiến : Đánh một trận quyết-liệt.

[←34]  
Quan Đốc-bộ : Tổng-đốc.

[←35]  
Miếu Võ-công : Võ-miếu.

[←36]  
Quan Tuần-phủ : Hoàng-Hữu-Xứng.  
Nớ : Ấy.

[←37]  
Đoài, Bắc : Sơn-tây và Bắc ninh.

[←38]  
Kính-thiên : Điện chính ở Hành-cung.

[←39]  
Quí-dậu : 1873.

[←40]  
Quan tiết-chế Hoàng-công : Hoàng-Kế-Viêm.

[←41]  
Sơn Hùng : Sơn-tây Hưng-hóa.

[←42]  
Tĩnh-biên Đình-Túc : Trần-Đình-Túc lại được sung chức Khâm-sai Tĩnh-  
biên-sứ.

[←43]  
Lòng son dạ sắt.

[←44]  
Xuất-thú : Ra thú.

[←45]  
Ám chỉ quan tuần-phủ.

[←46]  
Dày, Kẻ, Vẽ, Vòng, Phùng đều là những làng thuộc phủ Hoài-đức ở phía  
Tây Hà-nội.

[←47]  
Thanh-oai : Tên làng và huyện ở Hà-đông phía tây-nam Hà-nội.

[←48]  
Nam xang : Huyện ở Hà-nam ở phía nam Hà-nội.

[←49]  
Tuyên-quang, Hưng-hóa, Sơn-tây.

[←50]  
Thanh-biền : Quân nhà Thanh.

[←51]  
Đãi-chí : Nhãng chí.

[←52]  
Xiềng trao già-tỏa : Các quan bị giải về Kinh. Tay đeo xiềng, cổ đeo gông.  
Sự thực thì không phải gông xiềng.

[←53]  
Rọ : Thứ lồng dùng bỏ lợn vào trong mà gánh.

[←54]  
Tàu bị hỏng.

[←55]  
Thông năm : Không biết đó là những chức gì, có lẽ là cảnh-sát và thông-  
ngôn.

[←56]  
Bà cố : Bà có con hay rể làm quan.

[←57]  
Hạc : Bạch-hạc, Việt-trì.

[←58]  
Thiên-triều : Quân Thanh.  
Quán : Huyện-lị Trấn-an, gần Bảo-hà.

[←59]  
Quảng-yên, Thái-lạng : Thái-nguyên và Lạng-sơn.

[←60]  
Sơn, Hưng : Sơn-tây và Hưng-hóa.

[←61]  
Giỏi đánh trên nước.

[←62]  
Thiện bộ : Giỏi đánh trên bộ.

[←63]  
Lâm, Đoan : Lâm-thao, Đoan-hùng.

[←64]  
Quân Cờ-đen dùng lá cờ to, có treo lưỡi câu, để chụp bắt địch. Chúng lại  
trồng cọc giữa sông để chọc thủng tàu.

[←65]  
Sau câu 248, nguyên bản sót mất hai vế song-thất. Nhưng vì vần hợp nên  
cũng có thể tác-giả tự sót.

[←66]  
Nhẫn : Đến.

[←67]  
Sao cờ : Sao chổi đuôi dài như cán cờ, mọc từ tháng 8 năm ấy, đến gần  
cuối năm mới tắt.

[←68]  
Ngũ liệt, tam phân : Thế chia năm chia ba.

[←69]  
Dị bản : (B) Vừng, (A) vùng.

[←70]  
Dị bản : (B) Khoảng, (A) rộng.

[←71]  
Bốn câu đều lấy ý ở đầu bài « Chính-Khí ca » của Văn-Thiên-Tường, trung-  
thần nhà Tống, vì không hàng Nguyên, nên bị giết. Ý là chính khí trong trời  
đất, hiện ra mặt trời và sao ở trên, ra núi và sông ở dưới. Còn ở người, thì  
chính-khí lớn vô-cùng, hiện ra lúc lâm nguy.

[←72]  
Vận truân phong : Vận đen đỏ.  
Dị bản : (B) Vận, (A) trận.

[←73]  
Dị bản :  
- « Để » : (B) chép.  
- « Xanh » : (B) kinh.

[←74]  
Hà-Ninh : Hà-nội và Bắc-ninh.

[←75]  
Quang-viễn : Hiệu của Hoàng-Diệu. Thật ra đó là tự, còn hiệu là Tĩnh-trai.  
Dị bản « quang viễn » : (B) Hoàng-Diệu.

[←76]  
Lâm nguy, lý hiểm : Từng trải các sự nguy hiểm.

[←77]  
Dị bản « vâng » : (B) mới.

[←78]  
Thôn Hồ : Nuốt sống kẻ mọi-rợ ngoại xâm. Bụng chực nuốt giặc.  
Dị bản « vốn » : (B) vẫn.

[←79]  
Dị bản « giao-tiếp » : (B) giao-thiệp.

[←80]  
Năm Nhâm-ngọ : Năm 1882.  
Dị bản « vừa » : (B) đầu.

[←81]  
Qua giờ Thìn : Sau bảy giờ sáng.  
Dị bản :  
- « sáng mai » : (B) vừa ngay.  
- « bước » : (B) mới.

[←82]  
Dị bản « đã » : (B) vẫn.

[←83]  
Dị bản « vài » : (C) độ.

[←84]  
Tiên nghiêm : Phòng nghiêm trước.  
Dị bản « lên » : (B) sai.

[←85]  
Thệ sư : Cùng quân-lính thề sẽ chết sống giữ thành.

[←86]  
Dị bản « nghe lời » : (A) đều mời.

[←87]  
Dị bản « hầm-hầm » (B) : (A) ai ai.

[←88]  
Dị bản :  
- « bỗng » : (B) thoát  
- « pháo » : (C) súng.

[←89]  
Tiêm cừu : Giết kẻ thù.  
Nổi giận xung quan : Tóc dựng lên đến mũ.

[←90]  
Dị bản : (B) Chó dê, (A) dương tê.

[←91]  
Bạch-quỷ : Quỉ trắng, đó là tiếng khinh bỉ mà người Đông Á ngày trước  
dùng để trỏ người Âu, cũng như người Pháp dùng những tiếng Nain jaune  
(lùn vàng), Jap để chỉ người Nhật. Như đã nói trên, chúng tôi giữ nguyên-  
văn, để cho rõ tình cảm của nhà văn, chứ không xu-thời tự cải văn người  
khác.

[←92]  
Dị bản :  
- (B) Cửa đông, (A) tỉnh-thành.  
- « cửa bắc » : (C) (D) thành bắc.

[←93]  
Dị bản toàn câu : (A) ai ai cũng chí tung-hoành.

[←94]  
Dị bản « nào » : (B) không.

[←95]  
Thắng trạng : Tình trạng thắng trận.  
Dị bản :  
- « vẫn rằng » : (B) rõ-ràng.  
- (B) Thắng-trạng, (A) thắng-trận

[←96]  
Nội-công : Kẻ gian phá-ngầm ở trong.  
Dị bản « phải » : (B) rắp.

[←97]  
Dị bản « cháy » : (B) đốt.

[←98]  
Dị bản « sợ chết thảy đều » : (B) truy-sát giập-gìu.

[←99]  
Nào ai cơm áo : Ơn sinh-sống dưới quyền che chở.  
Dị bản « cơm áo dốc đền » : (B) sức khỏe gan liền.

[←100]  
Dị bản « cầm vững cho bền » : (B) gìn-giữ vững-bền.

[←101]  
Chí kinh-luân : Xử-lý những sự khó-khăn.  
Dị bản : (B) Còn, (A) có.

[←102]  
Dị bản : (B) Thánh-quân, (A) quân-thân.

[←103]  
Núi Nùng, sông Nhị : Núi đất nhỏ trong vườn Bách thảo : làm nền cho điện  
Kính-thiên mà xưa cũng gọi là Nùng-sơn điện. Sông Nhị-hà chảy qua Hà-  
nội. Nhà văn thường dùng núi sông ấy để trỏ Hà-nội.

[←104]  
Dị bản toàn câu : (B) thương ôi trong buổi lưu-li.

[←105]  
Dị bản « lòng » : (B) tấm.

[←106]  
Học-đường : Nha Học-chính xưa, ở cạnh phố Sinh-từ ngày nay, chỗ ga  
hàng-hóa.  
Dị bản :  
- « đem… lên… » : (B) rước. ra…  
- (B) Trong, (A) cung.

[←107]  
Dị bản « đau-đớn » : (E) thiết-tha.

[←108]  
Năm Dậu : Năm 1873.

[←109]  
Tính đốt : Đếm đốt ngón tay mà tính.  
Dị bản « nay… đốt… » : (A) năm… suốt

[←110]  
Long-thành : Thành Thăng-long, tức Hà-nội.

[←111]  
Dị bản « hết » : (A) quét.

[←112]  
Quyên-sinh tựu nghĩa : Chết vì nghĩa.  
Dị bản « tựu-nghĩa » : (A) tự tử.

[←113]  
Võ-hiển Khâm-sai : Nguyễn-Tri-Phương.

[←114]  
Võ-giáp, văn-khôi : Kẻ đứng đầu hàng vũ và văn.  
Dị bản :  
- « còn ai » : (B) Ngoài ra.  
- (B) Võ-giáp, (A) võ-tướng.

[←115]  
Mũ áo trâm hốt, trông qua thấy bảnh bao lắm, thì ngỡ là những vị ấy có  
khí tiết.  
Dị bản : (B) nhác, (A) xem.

[←116]  
Dị bản « khi bình làm hại » : (B) thanh bình nhiễu-hại.

[←117]  
Dị bản « túi tham mở rộng » : (B) túi tham vơ-vét.

[←118]  
Dị bản « đến khi » : (B) tới cơn.

[←119]  
Dị bản « ngơ ngáo » : (B) ngơ-ngác.

[←120]  
Quân hầu đổ : Gần tan-rã.

[←121]  
Dị bản « nghĩ coi thật đã » : (B) nghĩ xem chưng cũng.

[←122]  
Bảo-thân : Giữ lấy mình.

[←123]  
Dị bản « những mô-hồ » : (B) nói hồ-đồ.

[←124]  
Dị bản « dưới » : (B) xuống.

[←125]  
Dị bản :  
- « kẻ » : (B) người.  
- « chơi » : (B) sai.

[←126]  
Cả tối và mai.  
Dị bản « tối lại hòa mai » : (B) ngày một ngày hai.

[←127]  
Dị bản « tỏ-tường » : (B) biết tường.

[←128]  
Sợ chết, tham sống.  
Dị bản « tham » : (B) thâu.

[←129]  
Bắt gia-hình : Bắt tội.  
Dị bản « nên bắt gia-hình » : (B) nên tội đào-chinh.

[←130]  
Dị bản « năm mươi » : (E) sáu mươi (có lẽ sai : vì các nơi khác có nói đến  
tuổi trẻ của quan Tuần).

[←131]  
Dị bản « nước nhà » : (B) quốc-gia.

[←132]  
Trong sổ tên kẻ có học thì là một vị lớn.  
Dị bản « kể » : (B) chiếu.

[←133]  
Dị bản « lại còn quanh quẩn » : (B) hãy còn lẩn-quẩn.

[←134]  
Dị bản « vật » : (B) mùi.

[←135]  
Nghiên-tinh : Nghiên-cứu rõ-ràng.

[←136]  
Cái xuân xanh : Tuổi trẻ. Bản A đọc lầm ra gái.  
Dị bản : (D) Tiếc cái, (A) tiếc gái, (B) Thương-tiếc.

[←137]  
Tứ-thân : Mẹ.  
Dị bản toàn hai vế 96-97 :  
- (B) Hay là còn chút khuê-hình.  
- (E) (khổn hình) từ-thân. Ngổn-ngang nghĩ nỗi xa gần.

[←138]  
Tịch-cốc : Nhịn đói. Hữu-Xứng có nhịn đói ba hôm, rồi thôi.  
Dị bản « đã » : (B) rắp.

[←139]  
Tử trung : Chết để trọn lòng trung.

[←140]  
Án-sát.

[←141]  
Kim-chi, ngọc-điệp : Cành vàng lá ngọc.  
Dòng tôn-nhân : Người họ nhà vua.

[←142]  
Họ nước và tôi vua.

[←143]  
Dị bản : (E) bán lẻ, bán chiếc (chắc chữ lẻ mà lầm), (A) để mất.

[←144]  
Dị bản : (B) Thế mà, (A) (D) thế xưa.

[←145]  
Vòng lưỡng gian : Khoảng trời đất.

[←146]  
Tư-giao : Giao-thiệp riêng với quân Pháp.  
Dị bản « rắp »: (B) lập.

[←147]  
Hội-thương : Bàn-nghị với tướng Pháp.

[←148]  
Dị bản « khôn » : (A) gan.

[←149]  
Dị bản « nói quanh » : (B) tiến-chinh.

[←150]  
Dị bản « lĩnh » : (B) nhận.

[←151]  
Hình như Tôn-Thất-Bá đổ lỗi cho Hoàng-Diệu khiêu-khích Pháp nên mới bị  
đánh. Người ta thì đổ cho Bá là đã cố ý ra thành xui Pháp tấn-công, để lĩnh  
chức quan của Pháp cho. Một sự chắc là Bá xin Pháp một vạn quan tiền  
(xem V).

[←152]  
Tổng-đốc Hoàng-Diệu.

[←153]  
Bố-chánh.  
Dị bản « lân-la » : (B) thong dong.

[←154]  
Xỉ-ban : Hạng nhiều tuổi.  
Dị bản « cũng đã tuổi ngoài » : (C) tuổi cũng trạc ngoài.

[←155]  
Dị bản « Trong » : (E) xong.

[←156]  
Núi Tản-viên, đây trỏ tỉnh Sơn-tây.  
Dị bản : (B) Nhị hà, (A) lưu-thông.

[←157]  
Dị bản « còn như ti-thuộc » : (C) kìa như tân-thuộc.

[←158]  
Kẻ công, người quá : Kẻ có công, người có lỗi.

[←159]  
Dị bản « khắp » : (C) Hết.

[←160]  
Dị bản : (C) đã, (B) lại.

[←161]  
Dị bản « rèm » : (C) đèn.

[←162]  
Hóng mát thong-dong ở nơi đình nghỉ.  
Dị bản « nhân chốn nhàn-đình » : (C) những lúc dựa mình.

[←163]  
Núi Bình, chắc là núi Ngự-bình ở Huế. Câu này làm ta có thể nghĩ rằng tác-  
giả viết bài này ở Huế. Nhưng có lẽ y chỉ muốn nói : trông vào Huế.

[←164]  
Chúc vua sống lâu một vạn năm.

[←165]  
Duyên-hài : Duyên ưa.

[←166]  
Ra tay khang-tế : Làm yên dân, cứu dân.  
Dị bản toàn bốn vế 129-132 : (C) không có.

[←167]  
Dị bản toàn hai vế 133-134 :  
- (C) và (E) Nghiêu-Thuấn quân : Nghiêu-Thuấn dân.  
- (B) thiên-thu : bát thiên xuân thái-hòa.

[←168]  
Dật-hứng : Hứng thú thanh-nhàn.  
Dị bản « tỉnh say » : (B) chén say, (E) túy-tinh, (C) xem câu thiên định.

[←169]  
Dị bản « Hà-thành » : (C) (E) ở đời.

[←170]  
Dị bản :  
- « càng nghe thấy chuyện » : (C) (B) nghe câu chính-khí.  
- « càng rầu bên tai » : (C) (B) mà rầu-rỉ tai.

[←171]  
Dị bản « diễn ca » : (B) dẫn ca, (C) (E) diễn nôm.

[←172]  
Dị bản : (C) đời đời, (B) (E) người người.

[←173]  
Đối-phó với việc quan-hệ đến tiết-tháo mình, thì không có gì đoạt được  
(Luận-ngữ). (CỤ TÙNG-PHONG CÓ GIÚP CHÚ-THÍCH ĐOẠN TỪ CÂU 1 ĐẾN  
CÂU 15)

[←174]  
Hoàng Chế-đài : Tổng-đốc.

[←175]  
Việc thủ thổ : Giữ đất mình coi.

[←176]  
Mặt ngoài tỏ vẻ ung-dung, nhưng trong đề-phòng chống-cự.

[←177]  
Lệnh vua Tự-Đức không cho đụng chạm đến quân Pháp.

[←178]  
Mấy lần chở xác quân mà lui (kinh Dịch).

[←179]  
Bất-ki : Không theo lệnh trên.

[←180]  
Thị tứ như du : Coi cái chết như chơi.

[←181]  
Nhất-quyết : Quyết định chết.

[←182]  
Mặt trời nóng, sương lạnh, nêu khí-tiết.

[←183]  
Núi Nùng sông Nhị treo cương-thường.

[←184]  
Niệm trí-thân : Liều mình chết (Luận-ngữ).

[←185]  
Thâu-sinh : Trộm sự sống, vì nghĩa đáng nên chết.

[←186]  
Có khi coi cái chết nặng như núi Thái-sơn, có khi coi nhẹ như lông chim  
hồng.

[←187]  
Còn để tiếng thơm lại nghìn đời là bởi có sử chép.

[←188]  
Chính-khí rạng-rỡ làm động cả núi sông.

[←189]  
Rượu một bầu, thơ một cuốn.

[←190]  
Đem thanh liêm mà nuôi dạy dân.

[←191]  
Lên mặt thành để dàn trận.

[←192]  
Cổ-thanh pháo chấn : Trống gióng, súng ran.

[←193]  
Thế cận tương suy : Thế trận gần nguy.

[←194]  
Kim-long là trỏ Hoàng-Diệu, không rõ vì sao dùng chữ ấy.

[←195]  
Long-điện : Hành-cung Hà-nội.

[←196]  
Lạy tạ vua đến dập đầu chảy máu.

[←197]  
Trung-can : Gan dạ người trung.

[←198]  
Cơn tựu nghĩa : Tự tử để làm trọn nghĩa.

[←199]  
Bổn-phận đối với vua, với nước.

[←200]  
Đứng đầu triều-đình toàn là những ông quan to.

[←201]  
Đền ơn nước mà quên mình thì chỉ có một ông !

[←202]  
Cẩn bái : Khấn vái kính cẩn.  
Chữ « thấy », thì nguyên bản chép « Xét », nhưng thế là mất vần. Đoán  
kẻ sao đã sơ ý nhớ lầm.

[←203]  
Sự quân : Thờ vua.

[←204]  
Chúng ta gặp thời đỗ-đạt và làm quan thì dễ.

[←205]  
Bầy tôi ung-dung tự-tử để làm trọn nghĩa thì khó.

[←206]  
Cơn thảng-thốt : Lúc có biến-cố vội-vàng.

[←207]  
Bạch-quỉ : Tiếng nhiếc người Âu-châu thời bấy-giờ, nghĩa là quỉ da trắng.  
Vương-hóa : Sự giáo-hóa của nhà vua.

[←208]  
Chiến-thư : Thư khiêu chiến của Pháp.  
Bội hòa : Phản lại hòa-ước.

[←209]  
Giữ cô-thành : Giữ cái thành trơ-trọi không viễn-binh.

[←210]  
Trên thành phất cờ đỏ xua tướng sĩ tiến.

[←211]  
Trong quân bắn súng vào mọi Tây-dương.

[←212]  
Tứ chính, Tứ-ki : Tám cơ binh đóng giữ Hà-nội.

[←213]  
Trận đánh nhau làm giặc Tây sợ lạnh tâm.

[←214]  
Tả-binh : Quân người theo đạo công-giáo, mà các vua trước gọi là tả-đạo,  
nghĩa là đạo lầm. Đây tác giả đổ lỗi cho lính có đạo công-giáo đã thông với  
Pháp để làm nội ứng, đốt kho thuốc súng. Người Pháp thì nói đạn đại-bác  
bắn đúng vào kho thuốc. Theo cụ Nguyễn-Đình-Trọng, thì kho cháy, nhưng  
thuốc súng đã được dời từ trước, vì Hoàng Diệu đã đoán trước rằng Pháp  
tìm cách đốt kho. Sự thật thế nào không rõ. Nhưng ta chớ quên rằng bài  
này viết đang lúc triều-đình và sĩ phu còn đang nghi-kỵ người công-giáo, vì  
có một hạng người công giáo đời ấy để Pháp lợi dụng. Cho nên ta không  
thể hoàn-toàn tin vào dư-luận đương-thời.

[←215]  
Cờ tranh-phong : Cờ hiệu vẩy quân tiến đánh.

[←216]  
Thần-long : Trỏ Hoàng-Diệu.

[←217]  
Từ xưa, người sinh ra ai là không chết.

[←218]  
Chết vì việc nước là chết hợp với cương thường.

[←219]  
Danh-tiết lưu phương : Để tiếng thơm.

[←220]  
Biện tử : Định chết.

[←221]  
Dở kinh luân : Tỏ tiết-tháo khi gặp việc khó-khăn.

[←222]  
Quan-thân : Thân-sĩ và quan-liêu.

[←223]  
Chỉ : Lời ban ý vua.

[←224]  
Phào : Không thực.

[←225]  
Cựa : Động. Nguyên-bản chép « cự », chắc đọc lầm chữ nôm.

[←226]  
Xao : Tri-tân 183 chép « đào ».

[←227]  
Các bài này lấy ở bản A (nguyên bản). Riêng bài đầu báo Tri-Tân số 183 có  
đăng.

[←228]  
Ngọ : Trưa.

[←229]  
Quí dậu : 1873.  
Nào ai trách : Có trách-nhiệm giữ.

[←230]  
Quan Tuần : Hoàng-Hữu-Xứng trốn vào trong Hành-cung, phát ốm mà  
nằm. Lúc tướng Pháp tới, có dụ ông, nhưng ông cáo bệnh và nhịn đói ba  
hôm. Sau khi tôn-Thất-Bá trở về, ông cùng Bá nhận lại thành mà Pháp trả.  
Ngày sau, hình như ông đã kể công mình đã « điều-đình thắng lợi », vì thế  
mà sĩ phu bây giờ hay chê ông.  
Buổi se : Mệt, tiếng nói kiểu-cách ở đàng trong.

[←231]  
Đây có lẽ muốn nói ông nấp trong Hành cung để nghe ngóng.

[←232]  
Mắt đỏ hoe : Ám chỉ tính ông thích rượu, mắt thường đỏ.

[←233]  
Dè : Kiêng.

[←234]  
Không rõ nghĩa, có lẽ sao lầm, vì không có đối với câu dưới.

[←235]  
Nguyên-bản bỏ dở hai câu này. Có lẽ lời chê quá đáng, cho nên không sao  
lại.

[←236]  
Trương Tùng : Đã phản họ Trương, dâng bản-đồ Ích-châu cho Lưu Bị.

[←237]  
Quan Bố : Phan-Văn-Tuyển trèo thành chạy lên Sơn-tây.

[←238]  
Thâu sanh : Trộm sự sống.

[←239]  
Đại-tỉnh mặt phiên-đài : Bố-chánh.

[←240]  
Can-thành : Giữ thành.

[←241]  
Tôn-Thất-Bá thích làm quen với người Pháp. Biết thế nào Pháp cũng đánh  
thành, Bá bèn xin ra thành để điều-đình. Bá vừa ra khỏi thành, thì Pháp đã  
tấn công. Y bèn chạy trốn vào làng Mọc. Dư-luận cho y mưu để trốn thoát  
thành, vì có tin báo trước. sau Bá lại thông tin với thông Phong để ra hàng,  
cho nên được mời về nhận thành, Bá điều-đình với H. Rivière, và ký một tờ  
tạm-ước nhận thành. Trong thư của Rivière còn kể rõ chuyện. Bá nhận  
quyền chức tổng-đốc Hà-ninh để lo việc an-dân. Bá xin với Rivière lấy trộm  
của công ra 10.000 quan để cho mình. Sau việc bại lộ, nhưng nhờ Rivière  
che chở nên không ai biết (xem đoạn cuối sách).

[←242]  
Nguyên-bản bỏ trống một chữ, có lẽ vì tiếng thô. Còn tiếng sau lại chép  
« bà », nhưng thế là sai vần ; có lẽ là « nường ».

[←243]  
Trường : Trường tây ở Đồn-thủy.

[←244]  
Khi-trá : Nói dối.

[←245]  
Thái-lĩnh : Núi Thái-sơn.

[←246]  
Hứa quốc : Hứa thân cho nước.

[←247]  
Chạc : Dây lớn.

[←248]  
Tứ bất-tử : Bốn cách tự-tử không chết.

[←249]  
Bài nầy hay được truyền tụng, nhưng khác một vài chỗ, như : Thắt cổ chân  
còn vương đến đất.

[←250]  
Điều này sai. Xem mục chú-ý sau bài.

[←251]  
Rivière từ Sài-gòn ra Hà-nội, chiều 2 tháng 4 năm 1882 thì tới.

[←252]  
Ngày hôm sau, mồng 3, tuần-phủ Hoàng-Hữu-Xứng tới hỏi ý-đinh của sự  
thêm binh. Rivière nhờ ông trả lời Hoàng-Diệu.

[←253]  
Ngày mồng 4, Rivière tới thăm Hoàng-Diệu.

[←254]  
Henri Rivière vẫn trọng Hoàng-Diệu, nhất là sau khi Hoàng-Diệu tự-tử.  
Trong một bức thư khác, Rivière nói : « Quan Tổng-đốc là người quân-tử.  
Sự ông tự-tử đã chứng cho điều ấy ».

[←255]  
Các tài-liệu về H. Rivière đều lấy ở sách Henri Rivière « Correspondance  
politique au Tonkin 1882-1883 », in năm 1933.